

CẨM NANG HƯỚNG DẪN

# QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN



[amis.misa.vn](http://amis.misa.vn)

 **MISA AMIS**  
Kế toán

# MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	2
1.Tổng quan quy trình kế toán thực hiện kê khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân.	3
2.Những lưu ý về quyết toán thuế TNCN 2024.....	7
2.1.Các văn bản pháp luật quy định về quyết toán thuế TNCN năm 2024...	7
2.2.Phân loại và xác định đối tượng phải quyết toán thuế TNCN .....	7
2.3.Thời hạn quyết toán thuế TNCN năm 2024.....	10
2.4.Cách thức quyết toán thuế TNCN năm 2024.....	11
2.5.Một số nội dung lưu ý quan trọng về xác định thu nhập chịu thuế và giảm trừ gia cảnh.....	13
2.6.Hồ sơ, thủ tục, địa điểm, cách thức nộp hồ sơ quyết toán thuế TNCN 2024...	18
3.Hướng dẫn lập phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN Thông tư số 80/2021/TT-BTC.....	20
3.1.Những lưu ý khi lập phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN – Bảng kê chi tiết cá nhân thuộc diện tính thuế theo biểu lũy tiến từng phần .....	20
3.2.Hướng dẫn cách kê khai từng chỉ tiêu trên Phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC.....	23
4.Hướng dẫn lập phụ lục 05-2/BK-QTT-TNCN Thông tư số 80/2021/TT-BTC.....	29
4.1.Những lưu ý và một số điểm mới khi lập phụ lục 05-2/BK-QTT-TNCN....	30
4.2.Hướng dẫn chi tiết cách lập các chỉ tiêu trên phụ lục 05-2/BK-QTT-TNCN...	32
5.Hướng dẫn lập phụ lục tờ mẫu số 05-3/BK-QTT-TNCN.....	35
5.1.Những lưu ý khi lập phụ lục 05-3/BK-QTT-TNCN.....	35
5.2.Hướng dẫn cách kê khai từng chỉ tiêu trên phụ lục 05-3/BK-QTT-TNCN..	37
6.Hướng dẫn lập tờ khai quyết toán thuế TNCN mẫu 05/QTT-TNCN Thông tư 80/2021/TT-BTC.....	1
6.1.Hướng dẫn cách kê khai từng chỉ tiêu trên tờ khai quyết toán thuế 05/QTT-TNCN.....	1
6.2.Ví dụ minh họa hướng dẫn kê khai quyết toán thuế TNCN năm 2024.....	1
LỜI KẾT.....	1

# LỜI MỞ ĐẦU

Quyết toán thuế thu nhập cá nhân là một trong những nhiệm vụ bắt buộc với hầu hết các doanh nghiệp có phát sinh chi trả thu nhập cho người lao động. Để hỗ trợ các bạn kế toán thực hiện tốt nhất nhiệm vụ kê khai và quyết toán thuế thu nhập cá nhân năm 2024, MISA AMIS tổng hợp, cập nhật, chia sẻ cuốn cẩm nang Ebook để hướng dẫn cụ thể, chi tiết từng bước lập hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân.

Các nội dung đi từ hướng dẫn tổng quan quy trình thực hiện quyết toán thuế đến chi tiết cách lên các phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN; 05-2/BK-QTT-TNCN; 05-3/BK-QTT-TNCN và tờ khai 05/QTT-TNCN theo mẫu biểu mới nhất quy định tại Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

Với mong muốn mang đến cho các chủ doanh nghiệp, các nhà quản trị và các bạn kế toán những kiến thức, thông tin chất lượng nhất phục vụ ứng dụng trực tiếp vào công việc, MISA AMIS hy vọng cuốn **Cẩm nang hướng dẫn quyết toán thuế thu nhập cá nhân 2024** sẽ góp phần giúp các bạn tự tin, hiệu quả hơn trong quá trình hoàn thành các nghĩa vụ về hồ sơ, thủ tục thuế của mình tại doanh nghiệp.

Kính chúc Quý doanh nghiệp, Quý nhà quản trị và các bạn kế toán thành công!

Thân mến!

Viện Đổi mới doanh nghiệp MIBI, Công ty cổ phần MISA

# 1. Tổng quan quy trình kế toán thực hiện kê khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân

Thông thường, quy trình kế toán thực hiện kê khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân tại doanh nghiệp trải qua các bước như sau:



Hình 1: Quy trình kế toán thực hiện kê khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân

**Bước 1:** Tập hợp chứng từ liên quan đến lương và các khoản phụ cấp theo lương trong năm tính thuế

Đối với nghĩa vụ quyết toán thuế thu nhập cá nhân, đầu tiên các bạn kế toán/nhân sự cần thu thập toàn bộ các chứng từ liên quan tới lương, các khoản phụ cấp và trích theo lương của người lao động đã phát sinh trong năm tính thuế.

Đó là các hồ sơ duyệt chi lương hàng tháng được tập hợp và sắp xếp theo tháng, các hồ sơ nhân sự, hợp đồng lao động, bảng chấm công, tính lương, chứng từ thanh toán tiền lương cùng với các hồ sơ tờ khai thuế thu nhập cá nhân tháng/quý doanh nghiệp đã kê khai, các hồ sơ liên quan tới bảo hiểm của người lao động...

Sau khi rà soát về số liệu thực tế phát sinh trên các chứng từ gốc với việc hạch toán trên phần mềm kế toán và kê khai trên các tờ khai đã trùng khớp kế toán/nhân sự sử

dụng bảng lương hàng tháng và số liệu đã kê khai trên tờ khai 05/KK-TNCN để tổng hợp thông tin về tiền lương, các khoản thưởng, phụ cấp trích theo lương đã chi cho người lao động trong năm tính thuế.

**Lưu ý:** Việc xác định người lao động là cá nhân cư trú hay cá nhân không cư trú trong năm tính thuế để xác định chính xác nghĩa vụ thuế của người lao động là hết sức quan trọng.

Phạm vi xác định thu nhập chịu thuế đối với cá nhân cư trú: là thu nhập phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam (*thu nhập toàn cầu*), không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập.

Phạm vi xác định thu nhập chịu thuế đối với cá nhân không cư trú: thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh tại Việt Nam, không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập.

(Chi tiết tham khảo Điều 1 Thông tư 111/2013/TT-BTC)

Do đó, đã có trường hợp người lao động là chuyên gia nước ngoài làm việc tại chi nhánh ở Việt Nam xác định là cá nhân cư trú tại Việt Nam trong năm tính thuế nhưng kế toán/nhân sự do sơ suất đã không kê khai phần thu nhập của người lao động nhận được từ công ty mẹ (*thu nhập toàn cầu*), do đó có thể gây rủi ro và thiệt hại về thuế cho doanh nghiệp.

**Bước 2:** Tổng hợp thông tin về tiền lương đã chi trả cho người lao động trong năm tính thuế và xác định tổng nghĩa vụ thuế năm

Ở bước này, thông thường các bạn tập hợp toàn bộ thông tin về lương, các khoản phụ cấp theo lương, các khoản tiền tiền thưởng, phúc lợi... đã chi trả cho người lao động trong năm tính thuế vào 1 file excel để tiện đối chiếu, theo dõi và lấy các số liệu kê khai lên tờ khai.

Các nội dung chính của “Bảng tổng hợp” bao gồm:

- o Tổng hợp toàn bộ thu nhập doanh nghiệp đã chi trả cho người lao động trong năm tính thuế;
- o Tổng hợp các khoản giảm trừ: giảm trừ gia cảnh, bảo hiểm bắt buộc, các khoản đóng góp từ thiện được giảm trừ...;
- o Tổng hợp các thông tin về người phụ thuộc;
- o Tổng hợp số thuế đã khấu trừ, đã tạm nộp trong năm 2024 (theo số liệu các tờ khai 05/KK-TNCN đã nộp);
- o Xác định tổng thu nhập chịu thuế, thu nhập tính thuế của năm, xác định tổng nghĩa vụ thuế cả năm (tính toán số thuế còn phải nộp hoặc được hoàn, hoặc bù trừ sau quyết toán...);
- o Tổng hợp các thông tin về cá nhân ủy quyền quyết toán tại doanh nghiệp...

BẢNG TỔNG HỢP THÔNG TIN NGƯỜI LAO ĐỘNG QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN NĂM 2023 CÔNG TY ABC																				
STT	Họ và tên	Mã số thuế	CMND/CC CD/HC	Mức lương	Mức lương phải trả bắt buộc	Thời gian làm việc	Tổng thu nhập chịu thuế	Số tiền nộp thuế NĐĐ đã đóng trong năm	Số người lao động	Thông tin về người phụ thuộc của người lao động			Số tháng được giảm trừ 20%	Tổng giảm trừ giá công của người lao động và NPT	Thu nhập tính thuế	Thuế TNCN để trừ trong năm	Thông tin người lao động và loại hợp đồng lao động	Ôy quyền quyết toán thuế	Các phụ lục kê khai	
										Họ và tên	MST NPT	Tên tháng								
1	Trần Thị Xuân	8.0345-09	12278524	25.000.000	8.000.000	12	300.000.000	8.300.000	1	Lương Thị Xuân	811789234	01/2021	12/2021	12	294.900.000	108.500.000	12.000.000	CĐ không có thu nhập	0%	Phụ lục 05-1/BL
2	Vũ Thị Hằng	8.5045-09	12224547	15.000.000	5.000.000	12	180.000.000	6.300.000	1	Vũ Thị Thuý	812399189	01/2021	12/2021	12	184.800.000	-	-	CĐ không có thu nhập	0%	Phụ lục 05-1/BL
3	Nguyễn Thị Hương	8.591-09	12209291	20.000.000	7.000.000	12	240.000.000	12.800.000	1	Nguyễn Thị Bích Ngọc	808851186	01/2021	12/2021	12	235.800.000	-	-	CĐ không có thu nhập	0%	Phụ lục 05-1/BL
4	Nguyễn Thị Ngọc	8.1235-09	12368109	15.000.000	5.000.000	12	180.000.000	8.300.000	1	Nguyễn Văn Lâm	813278976	01/2021	12/2021	12	184.800.000	-	-	CĐ không có thu nhập	0%	Phụ lục 05-1/BL
5	Nguyễn Thị Xuân	8.688-09	12157850	20.000.000	7.000.000	12	240.000.000	5.250.000	1						132.300.000	-	-	CĐ không có thu nhập	0%	Phụ lục 05-1/BL
6	Hồng Thị Hải	8.039-09	123497481	5.000.000	1.500.000	8	72.000.000	3.807.300	1						85.300.000	-	-	CĐ không có thu nhập	0%	Phụ lục 05-1/BL
7	Trần Thị Lan	8.038-09	12342605	11.000.000	3.000.000	12	132.000.000	4.200.000	1						120.300.000	1.800.000	1.800.000	CĐ không có thu nhập	0%	Phụ lục 05-1/BL
8	Trần Thị Ngọc	842009180	12177264	8.000.000	2.000.000	12	96.000.000	-	1						18.000.000	-	-	CĐ không có thu nhập	0%	Phụ lục 05-1/BL
9	Trần Thị Thu	8.058-09	12020207	30.000.000	10.000.000	12	360.000.000	-	1						350.000.000	10.000.000	10.000.000	CĐ không có thu nhập	0%	Phụ lục 05-1/BL
10	Đào Thị Bích	022965454	14429618	75.000.000	25.000.000	12	900.000.000	-	1						875.000.000	25.000.000	25.000.000	CĐ không có thu nhập	0%	Phụ lục 05-1/BL
	<b>Cộng</b>			<b>200.000.000</b>	<b>69.500.000</b>	<b>81</b>	<b>1.880.000.000</b>	<b>44.157.300</b>	<b>5</b>						<b>1.312.000.000</b>	<b>46.400.000</b>				

Hình 2: Ví dụ Bảng tổng hợp thông tin người lao động quyết toán thuế TNCN tại Công ty ABC (số liệu giả định)

**Lưu ý:**

Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân là thời điểm doanh nghiệp thực hiện chi trả thu nhập cho người lao động nên với kế toán/nhân sự cần chú ý đối chiếu với các chứng từ chi tiền lương thực tế để xác định chính xác các khoản thu nhập chịu thuế trong năm tính thuế.

Trường hợp doanh nghiệp ký hợp đồng lao động trả lương NET cho người lao động (doanh nghiệp có trả thay bảo hiểm bắt buộc, tiền thuê nhà... cho người lao động) thì phải quy đổi thu nhập không bao gồm thuế, bảo hiểm bắt buộc... thành thu nhập tính thuế theo Phụ lục số 02/PL-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC để xác định thu nhập chịu thuế. (Chi tiết tham khảo Công văn số 3588/CT-HTr ngày 21/1/2016 của Cục Thuế TP. Hà Nội).

**Bước 3:** Xác định phụ lục kê khai đối với thu nhập chi trả cho người lao động

Từ “Bảng tổng hợp thông tin người lao động quyết toán thuế năm tại doanh nghiệp” nêu tại bước 2, các bạn xác định phân nhóm đối tượng người lao động theo đối tượng kê khai ở phụ lục nào của tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân.

Mục đích của việc phân nhóm để tập hợp thu nhập doanh nghiệp đã chi trả cho người lao động trong năm tính thuế lên đúng phụ lục kê khai trên tờ khai quyết toán TNCN theo quy định.

Có thể chia nhóm người lao động theo 3 nhóm như sau:

## PHÂN NHÓM NGƯỜI LAO ĐỘNG THEO PHỤ LỤC KÊ KHAI



Hình 3: Phân nhóm người lao động theo Phụ lục kê khai

Chi tiết:

**Nhóm 1:** Đối tượng người lao động tập hợp thu nhập lên bảng kê phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN - Bảng kê chi tiết cá nhân thuộc diện tính thuế theo biểu lũy tiến từng phần: Người lao động là cá nhân cư trú và đã ký hợp đồng lao động từ 3 tháng trở lên.

**Nhóm 2:** Đối tượng người lao động tập hợp thu nhập lên bảng kê phụ lục 05-2/BK-QTT-TNCN - Bảng kê chi tiết cá nhân thuộc diện tính thuế theo thuế suất toàn phần: cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động; hoặc có hợp đồng lao động dưới 3 tháng ; hoặc cá nhân không cư trú được tổ chức, cá nhân trả thu nhập; kể cả các cá nhân có thu nhập chưa đến mức khấu trừ thuế.

**Nhóm 3:** Đối tượng người lao động tập hợp thu nhập lên bảng kê phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN và 05-2/BK-QTT-TNCN: nhóm người lao động có thu nhập phải tách để kê khai lên cả phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN và phụ lục 05-2/BK-QTT-TNCN theo quy định.

Thực tế, trường hợp này không phổ biến, thường là người lao động mới ký hợp đồng lao động trong năm có thu nhập từ tiền lương, tiền công từ nhiều nơi, không ủy quyền quyết toán. Do đó, thu nhập của người lao động trong thời gian thử việc đã khấu trừ thuế 10% sẽ kê khai trên phụ lục 05-2/BK-QTT-TNCN, phần thu nhập tính theo biểu

thuế suất từng phần được tập hợp kê khai tại phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN theo quy định.

Từ dữ liệu được tổng hợp và phân nhóm các bạn tiến hành sang bước 4.

**Bước 4:** Lên tờ khai trên HTKK (hoặc file excel) và gửi dữ liệu kê khai

Các bạn có thể chuẩn bị sẵn số liệu và đợi cập nhật trực tiếp trên HTKK hoặc chuẩn bị file excel biểu mẫu quy định và nhập khẩu (chức năng import) lên phần mềm HTKK để thực hiện lập tờ khai quyết toán sau đó kết xuất file định dạng .xml và nộp trực tuyến hoặc kê khai trực tuyến tại website <https://thuuedientu.gdt.gov.vn/>

## 2.Những lưu ý về quyết toán thuế TNCN 2024

### 2.1.Các văn bản pháp luật quy định về quyết toán thuế TNCN năm 2024

Các văn bản pháp luật hiện hành quy định về quyết toán thuế TNCN năm 2024 như sau:

- o Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 (trong đó xem các nội dung còn hiệu lực và sửa đổi tại Văn bản hợp nhất số 15/VBHN-VPQH của Quốc hội ngày 11/12/2014)
- o Luật Quản lý thuế 2019 số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019
- o Nghị định 126/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Quản lý thuế
- o Nghị quyết số 954/2020/NQ-UBTVQH ngày 02/6/2020 điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh
- o Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013
- o Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014
- o Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014
- o Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 và các văn bản hướng dẫn có liên quan
- o Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021

### 2.2.Phân loại và xác định đối tượng phải quyết toán thuế TNCN

Đối tượng phải quyết toán thuế TNCN gồm có 2 nhóm đối tượng là:

- Các cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công;
- Các tổ chức có phát sinh chi trả thu nhập từ tiền lương, tiền công.

## 2 NHÓM ĐỐI TƯỢNG PHẢI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN



Hình 4: Hai nhóm đối tượng phải quyết toán thuế thu nhập cá nhân

Chi tiết từng nhóm đối tượng này như sau:

### 2.2.1. Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công

**Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công** có trách nhiệm khai quyết toán thuế nếu có số thuế phải nộp thêm hoặc có số thuế nộp thừa đề nghị hoàn hoặc bù trừ thuế vào kỳ khai thuế tiếp theo, trừ các trường hợp sau:

- Cá nhân có số thuế phải nộp nhỏ hơn số thuế đã tạm nộp mà không có yêu cầu hoàn thuế hoặc bù trừ thuế vào kỳ sau.
- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một đơn vị mà có thêm thu nhập vắng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng đã được đơn vị trả thu nhập khấu trừ thuế tại nguồn theo tỷ lệ 10% nếu không có yêu cầu thì không quyết toán thuế đối với phần thu nhập này.
- Cá nhân được người sử dụng lao động mua bảo hiểm nhân thọ (trừ bảo hiểm hưu trí tự nguyện), bảo hiểm không bắt buộc khác có tích lũy về phí bảo hiểm mà người sử dụng lao động hoặc doanh nghiệp bảo hiểm đã khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo tỷ lệ 10% trên khoản tiền phí bảo hiểm tương ứng với phần người sử dụng lao động mua hoặc đóng góp cho người lao động theo hướng dẫn tại khoản

2 Điều 14 Thông tư số 92/2015/TT-BTC thì không phải quyết toán thuế đối với phần thu nhập này.

- Cá nhân có số tiền thuế phát sinh phải nộp hằng năm sau quyết toán thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công từ 50.000 đồng trở xuống (theo Điều 79 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14).

### 2.2.2. Tổ chức trả thu nhập từ tiền lương, tiền công

Tổ chức trả thu nhập từ tiền lương, tiền công không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không phát sinh khấu trừ thuế có trách nhiệm khai quyết toán thuế và quyết toán thuế thay cho cá nhân có uỷ quyền.

Trường hợp tổ chức không phát sinh trả thu nhập từ tiền lương, tiền công trong năm 2024 thì không phải khai quyết toán thuế TNCN (*theo khoản 6 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP*).

**Lưu ý:** Trường hợp tổ chức không phát sinh trả thu nhập từ tiền lương, tiền công thì không phải khai quyết toán thuế TNCN. Tuy nhiên để tránh rủi ro thì doanh nghiệp nên áp dụng như sau:

- Nếu trong năm mặc dù doanh nghiệp không phát sinh chi trả thu nhập tiền lương, tiền công cho người lao động nhưng đã nộp tờ khai khấu trừ thuế TNCN hàng tháng hoặc quý (có thể do kế toán chưa nắm rõ quy định) thì cuối năm vẫn nộp tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân.
- Nếu trong năm doanh nghiệp không phát sinh chi trả thu nhập tiền lương, tiền công cho người lao động và cũng không nộp tờ khai khấu trừ thuế TNCN hàng tháng hoặc quý thì cuối năm không phải nộp tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân.

Tổ chức trả thu nhập chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể hoặc phá sản theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì phải quyết toán thuế đối với số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ chậm nhất là ngày thứ 45 (bốn mươi lăm) kể từ ngày chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể hoặc phá sản và cấp chứng từ khấu trừ thuế cho người lao động để làm cơ sở cho người lao động thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân.

Trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp mà bên tiếp nhận kế thừa toàn bộ nghĩa vụ về thuế của doanh nghiệp trước chuyển đổi (như chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần hoặc ngược lại; chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật) thì doanh nghiệp trước chuyển đổi không phải khai quyết toán thuế đến thời điểm có quyết định về việc chuyển đổi doanh nghiệp và không cấp

chứng từ khấu trừ thuế đối với người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới, bên tiếp nhận thực hiện khai quyết toán thuế năm theo quy định.

Trường hợp sau khi tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi), người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới (tổ chức được hình thành sau khi tổ chức lại doanh nghiệp), cuối năm người lao động có ủy quyền quyết toán thuế thì tổ chức mới phải thu lại chứng từ khấu trừ thuế TNCN do tổ chức cũ đã cấp cho người lao động để làm căn cứ tổng hợp thu nhập, số thuế đã khấu trừ và quyết toán thuế thay cho người lao động.

**Lưu ý:** Theo Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định: “Riêng trường hợp khai bổ sung tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công thì đồng thời phải khai bổ sung tờ khai tháng, quý có sai, sót tương ứng.” Điều này nghĩa là tổng hợp dữ liệu trên các tờ khai khấu trừ thuế TNCN hàng tháng/quý trong năm cộng lại phải bằng với tờ khai quyết toán thuế TNCN cả năm 2024.

## 2.3. Thời hạn quyết toán thuế TNCN năm 2024

### **Với doanh nghiệp, thời hạn quyết toán thuế TNCN năm 2024: 31/03/2025**

Theo điểm a khoản 2 của Điều 44 Luật Quản lý thuế năm 2019 và khoản 1 của Điều 1 Nghị định 91/2022/NĐ-CP thì:

Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế, thời hạn cơ quan quản lý thuế giải quyết hồ sơ, thời hạn hiệu lực của quyết định cưỡng chế trùng với ngày nghỉ theo quy định thì ngày cuối cùng của thời hạn được tính là ngày làm việc liền kề sau ngày nghỉ đó.”

**Lưu ý:** Năm tính thuế với thuế TNCN là năm dương lịch

Trường hợp doanh nghiệp có năm tài chính khác với năm dương lịch (năm tài chính không phải là từ ngày 01/01 đến 31/12 như thông thường), cần phải lưu ý rằng thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế TNCN vẫn phải là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch vì với thuế TNCN năm tính thuế vẫn là năm dương lịch. Điểm này hoàn toàn khác với thuế TNDN vì năm tính thuế TNDN có thể không trùng với năm dương lịch.

**Với cá nhân trực tiếp quyết toán với cơ quan thuế thì: chậm nhất là ngày 02/5/2025** (Bởi ngày cuối cùng của tháng thứ 4 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch 2024 là ngày lễ 30/4/2025 - Ngày Giải phóng miền Nam và sau đó là liên tiếp ngày lễ 01/5/2025 - Ngày Quốc tế Lao động).

## 2.4. Cách thức quyết toán thuế TNCN năm 2024

### 2.4.1. Cá nhân ủy quyền quyết toán thuế qua tổ chức trả thu nhập

Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ủy quyền cho tổ chức trả thu nhập quyết toán thuế trong các trường hợp sau:

Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một tổ chức trả thu nhập và thực tế đang làm việc tại đó vào thời điểm ủy quyền quyết toán thuế (bao gồm cả trường hợp không làm việc đủ 12 tháng trong năm) thì được ủy quyền quyết toán thuế tại tổ chức trả thu nhập đó đối với phần thu nhập do tổ chức đó chi trả, kể cả trường hợp cá nhân đồng thời có thu nhập từ bảo hiểm nhân thọ (trừ bảo hiểm hưu trí tự nguyện), bảo hiểm không bắt buộc khác có tích lũy về phí bảo hiểm mà đã khấu trừ thuế TNCN 10%.

Trường hợp tổ chức trả thu nhập thực hiện việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi) và người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới (tổ chức được hình thành sau khi tổ chức lại doanh nghiệp), nếu trong năm người lao động không có thêm thu nhập từ tiền lương, tiền công tại một nơi nào khác thì được ủy quyền quyết toán cho tổ chức mới quyết toán thuế thay đổi với cả phần thu nhập tổ chức cũ chi trả. Trường hợp điều chuyển người lao động giữa các tổ chức trong cùng một hệ thống như tập đoàn, tổng công ty, công ty mẹ – con, trụ sở chính và chi nhánh thì cũng được áp dụng nguyên tắc ủy quyền quyết toán thuế như đối với trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp.

Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một tổ chức trả thu nhập, đồng thời có thu nhập vãng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng đã được đơn vị trả thu nhập khấu trừ thuế theo tỷ lệ 10% nếu cá nhân không có yêu cầu quyết toán thuế đối với thu nhập vãng lai thì được ủy quyền quyết toán tại tổ chức trả thu nhập ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên. Nếu cá nhân có yêu cầu quyết toán thuế đối với thu nhập vãng lai thì cá nhân trực tiếp quyết toán với cơ quan thuế.

**Ví dụ 2.1:** Năm 2024, ông An có thu nhập từ tiền lương theo hợp đồng lao động dài hạn tại Công ty An Bình, đồng thời có thu nhập vãng lai tại các nơi khác là 60 triệu đồng, khoản này đã khấu trừ thuế TNCN 10%. Như vậy, thu nhập vãng lai bình quân tháng trong năm 2024 của ông An nhỏ hơn 10 triệu đồng (60 triệu đồng : 12 tháng = 5 triệu đồng/tháng), nếu ông An thuộc diện phải quyết toán thuế và không có yêu cầu quyết toán thuế đối với thu nhập vãng lai thì ông An ủy quyền quyết toán thuế năm 2024 cho Công ty An Bình. Công ty An Bình chỉ quyết toán thuế thay ông An đối với phần thu nhập do Công ty An Bình chi trả.

Cá nhân ủy quyền cho tổ chức trả thu nhập quyết toán thay theo mẫu số 08/UQ-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, kèm theo bản chụp hóa đơn, chứng từ chứng minh đóng góp từ thiện, nhân đạo, khuyến học (nếu có).

>> Tải mẫu [Giấy ủy quyền QT 08 UQQT-TNCN](#)

Trường hợp tổ chức trả thu nhập có số lượng lớn người lao động ủy quyền quyết toán thuế thì tổ chức trả thu nhập có thể lập danh sách các cá nhân ủy quyền trong đó phản ánh đầy đủ các nội dung tại mẫu số 08/UQ-QTT-TNCN ở trên, đồng thời cam kết tính chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu, nội dung trong danh sách.

#### 2.4.2. Cá nhân quyết toán thuế trực tiếp với cơ quan thuế

Cá nhân đảm bảo điều kiện được ủy quyền cho tổ chức trả thu nhập quyết toán thuế theo hướng dẫn ở trên nhưng đã được tổ chức trả thu nhập cấp chứng từ khấu trừ thuế TNCN thì không ủy quyền quyết toán thuế cho tổ chức trả thu nhập (trừ trường hợp tổ chức trả thu nhập đã thu hồi và hủy chứng từ khấu trừ thuế đã cấp cho cá nhân).

Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công không đảm bảo điều kiện được ủy quyền cho tổ chức trả thu nhập quyết toán thuế theo hướng dẫn tại điểm 1 nêu trên, nhưng thuộc diện phải quyết toán thuế TNCN theo quy định thì trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế trên toàn bộ thu nhập phát sinh trong năm, cụ thể một số trường hợp không ủy quyền quyết toán thuế TNCN như sau:

- Cá nhân chỉ có thu nhập vắng lai đã khấu trừ thuế theo tỷ lệ 10% (kể cả trường hợp có thu nhập vắng lai duy nhất tại một nơi) thì cá nhân không ủy quyền quyết toán.
- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một đơn vị, đồng thời có thu nhập vắng lai chưa khấu trừ thuế (bao gồm trường hợp chưa đến mức khấu trừ và đã đến mức khấu trừ nhưng không khấu trừ) thì cá nhân không ủy quyền quyết toán thuế.

**Ví dụ 2.2:** Năm 2024, ông Minh có thu nhập từ tiền lương theo hợp đồng lao động trên 03 tháng tại Công ty Thành Công, tháng 3/2024 ông Minh có thu nhập vắng lai tại Công ty Hoàng Long là 20 triệu đồng, khoản này đã khấu trừ thuế 10%, tháng 10/2024 ông Minh có thu nhập vắng lai tại Công ty An Khánh là 2,5 triệu đồng chưa khấu trừ thuế. Như vậy, trong năm 2024 ông Minh có một khoản thu nhập chưa khấu trừ thuế thì ông Minh không ủy quyền quyết toán mà ông Minh phải trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế.

### 2.4.3. Trường hợp điều chỉnh sau khi đã ủy quyền quyết toán thuế

Cá nhân sau khi đã ủy quyền quyết toán thuế, tổ chức trả thu nhập đã thực hiện quyết toán thuế thay cho cá nhân, nếu phát hiện cá nhân thuộc diện trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế thì tổ chức trả thu nhập không điều chỉnh lại quyết toán thuế TNCN của tổ chức trả thu nhập, chỉ cấp chứng từ khấu trừ thuế cho cá nhân theo số quyết toán và ghi vào góc dưới bên trái của chứng từ khấu trừ thuế nội dung: “*Công ty... đã quyết toán thuế TNCN thay cho Ông/Bà.... (theo ủy quyền) tại dòng (số thứ tự ... của Phụ lục Bảng kê 05-1/BK-TNCN*” để cá nhân trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế.

## 2.5. Một số nội dung lưu ý quan trọng về xác định thu nhập chịu thuế và giảm trừ gia cảnh

### 2.5.1. Một số lưu ý về xác định thu nhập của người lao động

#### □ Lưu ý về thu nhập chịu thuế

Thu nhập chịu thuế được xác định theo hướng dẫn tại các văn bản: Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013; Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014; Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014; Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính. Trong đó cần lưu ý một số nội dung sau:

*Đối với khoản tiền nhà ở, điện, nước và các dịch vụ kèm theo (nếu có) không bao gồm: khoản lợi ích về nhà ở, điện nước và các dịch vụ kèm theo (nếu có) đối với nhà ở do người sử dụng lao động xây dựng để cung cấp miễn phí cho người lao động làm việc tại khu công nghiệp; nhà ở do người sử dụng lao động xây dựng tại khu kinh tế, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn cung cấp miễn phí cho người lao động làm việc tại đó.*

Trường hợp cá nhân ở tại trụ sở làm việc thì thu nhập chịu thuế căn cứ vào tiền thuê nhà hoặc chi phí khấu hao, tiền điện, nước và các dịch vụ khác tính theo tỷ lệ giữa diện tích cá nhân sử dụng với diện tích trụ sở làm việc.

Khoản tiền thuê nhà, điện nước và các dịch vụ kèm theo (nếu có) đối với nhà ở do đơn vị sử dụng lao động trả thay tính vào thu nhập chịu thuế theo số thực tế trả thay nhưng không vượt quá 15% tổng thu nhập chịu thuế phát sinh (chưa bao gồm tiền thuê nhà, điện nước và dịch vụ kèm theo (nếu có) tại đơn vị không phân biệt nơi trả thu nhập.

*Các khoản phụ cấp, trợ cấp không tính vào thu nhập chịu thuế được tổng hợp tại Danh mục tổng hợp các khoản phụ cấp, trợ cấp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành làm cơ sở xác định thu nhập chịu thuế TNCN từ tiền lương, tiền công, ban hành tại Công văn số 1381/TCT-TNCN ngày 24/4/2014 của Tổng cục Thuế.*

□ **Lưu ý về thu nhập tính thuế bình quân tháng**

Khi thực hiện quyết toán thuế năm thì thu nhập tính thuế bình quân tháng được xác định bằng tổng thu nhập cả năm (12 tháng) trừ (-) tổng các khoản giảm trừ của cả năm sau đó chia cho 12 tháng, cụ thể như sau:

$$\text{Thu nhập tính thuế bình quân tháng} = \frac{\text{Tổng thu nhập chịu thuế} - \text{Tổng các khoản giảm trừ}}{12 \text{ tháng}}$$

Trường hợp cá nhân cư trú là công dân của quốc gia, vùng lãnh thổ đã ký kết hiệp định với Việt Nam về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập thì nghĩa vụ thuế TNCN được tính từ tháng đến Việt Nam trong trường hợp cá nhân lần đầu tiên có mặt tại Việt Nam đến tháng kết thúc hợp đồng lao động và rời Việt Nam (được tính đủ theo tháng).

**Ví dụ 2.3:** Năm 2024, ông Amida là công dân Nhật Bản đến Việt Nam lần đầu tiên vào ngày 06/3/2024 theo hợp đồng làm việc tại Công ty Tấn Phát, đến ngày 26/11/2024 ông Amida kết thúc hợp đồng làm việc tại Công ty Tấn Phát và rời Việt Nam. Hàng tháng ông Amida nhận được tổng thu nhập từ tiền lương, tiền công (từ công ty tại Việt Nam và tại Nhật Bản trả) là 80 triệu đồng/tháng. Ông Amida không kê khai người phụ thuộc. Từ ngày 06/3/2024 đến 26/11/2024, ông Amida có mặt tại Việt Nam là 265 ngày. Như vậy, năm 2024 ông Amida là cá nhân cư trú tại Việt Nam. Trước khi rời Việt Nam ngày 26/11/2024, ông Amida thực hiện quyết toán thuế TNCN tại Việt Nam như sau:

- + Tổng thu nhập chịu thuế năm 2024: 80 triệu đồng x 9 tháng = 720 triệu đồng
- + Khoản giảm trừ gia cảnh cho bản thân ông Amida năm 2024: 11 triệu đồng x 9 tháng = 99 triệu đồng
- + Thu nhập tính thuế năm 2024: 720 triệu đồng – 99 triệu đồng = 621 triệu đồng
- + Thu nhập tính thuế bình quân tháng năm 2024: 9 tháng = 69 triệu đồng
- + Thuế TNCN 1 tháng của ông Amida là: 69.000.000đ x 30% - 5.850.000đ = 14.850.000đ
- + Thuế TNCN năm 2024 của ông Amida là: 14.850.000 đ x 12= 178.200.000đ

□ **Lưu ý về quy đổi thu nhập không bao gồm TNCN thành thu nhập có thuế TNCN**

Việc quy đổi thu nhập không bao gồm thuế TNCN (lương NET) thành thu nhập có thuế TNCN (lương GROSS) được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 111/2013/TT-BTC và khoản 1 Điều 14 Thông tư số 92/2015/TT-BTC như sau:

*Thu nhập làm căn cứ quy đổi thành thu nhập tính thuế là thu nhập thực nhận (không bao gồm thu nhập được miễn thuế) cộng (+) các khoản lợi ích do người sử dụng lao động trả thay cho người lao động (nếu có) trừ (-) các khoản giảm trừ. Trường hợp người sử dụng lao động áp dụng chính sách “tiền thuế giả định”, “tiền nhà giả định” thì thu nhập làm căn cứ quy đổi thành thu nhập tính thuế không bao gồm “tiền thuế giả định”, “tiền nhà giả định”. Trường hợp trong các khoản trả thay có tiền thuê nhà thì tiền thuê nhà tính vào thu nhập làm căn cứ quy đổi bằng số thực trả nhưng không vượt quá 15% tổng thu nhập chịu thuế phát sinh tại đơn vị không phân biệt nơi trả thu nhập (chưa bao gồm tiền thuê nhà, điện, nước và các dịch vụ kèm theo thực tế phát sinh, “tiền nhà giả định” (nếu có)).*

Công thức xác định thu nhập làm căn cứ quy đổi:

$$\text{Thu nhập làm căn cứ quy đổi} = \text{Thu nhập thực nhận} + \text{Các khoản trả thay} - \text{Các khoản giảm trừ}$$

Trong đó:

- + *Thu nhập thực nhận* là tiền lương, tiền công không bao gồm thuế mà người lao động nhận được hàng tháng (không bao gồm thu nhập được miễn thuế).
- + *Các khoản trả thay* là các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền do người sử dụng lao động trả cho người lao động theo hướng dẫn tại điểm đ khoản 2 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC và các khoản 2, 3, 4 Điều 11 Thông tư số 92/2015/TT-BTC.
- + *Các khoản giảm trừ* bao gồm: giảm trừ gia cảnh; giảm trừ đóng bảo hiểm, quỹ hưu trí tự nguyện; giảm trừ đóng góp từ thiện, nhân đạo, khuyến học theo hướng dẫn tại Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC và Điều 15 Thông tư số 92/2015/TT-BTC.

Sau khi tính ra được thu nhập làm căn cứ quy đổi thì chúng ta sẽ dựa vào bảng quy đổi trong phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính dưới đây để quy đổi ra thu nhập tính thuế.

**Phụ lục: 02/PL-TNCN**

**BẢNG QUY ĐỔI THU NHẬP KHÔNG BAO GỒM THUẾ RA THU NHẬP TÍNH THUẾ**

(đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công)

STT	Thu nhập làm căn cứ quy đổi/tháng (viết tắt là TNQĐ)	Thu nhập tính thuế
-----	---	--------------------

1	Đến 4,75 triệu đồng (trđ)	TNQĐ/0,95
2	Trên 4,75 trđ đến 9,25 trđ	(TNQĐ – 0,25 trđ)/0,9
3	Trên 9,25 trđ đến 16,05 trđ	(TNQĐ – 0,75 trđ)/0,85
4	Trên 16,05 trđ đến 27,25 trđ	(TNQĐ – 1,65 trđ)/0,8
5	Trên 27,25 trđ đến 42,25 trđ	(TNQĐ – 3,25 trđ)/0,75
6	Trên 42,25 trđ đến 61,85 trđ	(TNQĐ – 5,85 trđ)/0,7
7	Trên 61,85 trđ	(TNQĐ – 9,85 trđ)/0,65

**Ví dụ 2.4:** Năm 2024, theo hợp đồng lao động ký giữa bà Lan và Công ty TNHH MTV An Khánh thì bà Lan được trả lương hàng tháng là 30 triệu đồng, ngoài tiền lương bà Lan được Công ty An Khánh trả thay phí hội viên câu lạc bộ thể thao 1 triệu đồng/tháng. Bà Lan phải đóng bảo hiểm bắt buộc là 1,5 triệu đồng/tháng. Công ty An Khánh chịu trách nhiệm nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định thay cho bà Lan. Trong năm bà Lan chỉ tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân, không có người phụ thuộc và không phát sinh đóng góp từ thiện, nhân đạo, khuyến học. Tính thuế thu nhập cá nhân phải nộp hàng tháng của bà Lan là bao nhiêu?

**Đáp án:** Xác định thuế thu nhập cá nhân phải nộp hàng tháng của bà Lan như sau:

+ Thu nhập làm căn cứ quy đổi là:

30 triệu đồng + 1 triệu đồng – (11 triệu đồng + 1,5 triệu đồng) = 18,5 triệu đồng

+ Thu nhập tính thuế (xác định theo Phụ lục số 02/PL-TNCN) là:

$$\frac{(\text{TNQĐ} - 1,65 \text{ triệu đồng})}{0,8} = \frac{(18,5 \text{ triệu đồng} - 1,65 \text{ triệu đồng})}{0,8} = 21,0625$$

+ Thuế thu nhập cá nhân bà Lan phải nộp (áp dụng cách tính thuế rút gọn theo Phụ lục số 01/PL-TNCN) là:

20% x TNTT – 1,65 triệu đồng = 21,0625 triệu đồng × 20% – 1,65 triệu đồng = 2,5625 triệu đồng

### 2.5.2. Một số lưu ý về giảm trừ gia cảnh

Các khoản giảm trừ được trừ vào thu nhập chịu thuế của cá nhân trước khi xác định thu nhập tính thuế từ tiền lương, tiền công thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính và Điều 15 Thông tư số

92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính. Trong đó có một số nội dung cần lưu ý như sau:

- Mức giảm trừ gia cảnh mới nhất năm 2024: Theo Nghị quyết số 954/2020/NQ-UBTVQH ngày 02/6/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh về thuế thu nhập cá nhân thì mức giảm trừ gia cảnh áp dụng cho kỳ quyết toán thuế TNCN năm 2024 là:

+ Mức giảm trừ cho bản thân người nộp thuế là: mức 11 triệu đồng/tháng.

+ Mức giảm trừ cho người phụ thuộc là: mức 4,4 triệu đồng/người/tháng.

Cách tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân: Trường hợp trong kỳ tính thuế cá nhân cư trú chưa tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân hoặc tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân chưa đủ 12 tháng thì được tính đủ 12 tháng nếu thực hiện quyết toán thuế theo quy định.

**Ví dụ 2.5:** Từ tháng 01/2024 đến tháng 4/2024 bà Lan không có thu nhập từ tiền lương, tiền công. Từ tháng 5/2024 đến tháng 12/2024 bà Lan có thu nhập từ tiền lương, tiền công do ký hợp đồng lao động trên 03 tháng tại Công ty Phương Trang. Như vậy, trong năm 2024 bà Lan được tạm tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân từ tháng 5/2024 đến hết tháng 12/2024 (tương ứng với tháng có phát sinh thu nhập). Nếu bà Lan thực hiện quyết toán thuế thì bà Lan được tính giảm trừ cho bản thân đủ 12 tháng.

Đối với cá nhân là công dân của quốc gia, vùng lãnh thổ đã ký kết Hiệp định với Việt Nam về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và là cá nhân cư trú tại Việt Nam thì việc tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân được tính tương ứng với số tháng xác định nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân phải khai tại Việt Nam theo quy định.

- Cách tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc: Việc giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc mà người nộp thuế có nghĩa vụ nuôi dưỡng được tính kể từ tháng có phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

+ Người phụ thuộc đã đăng ký và có đầy đủ hồ sơ chứng minh người phụ thuộc theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 9 Thông tư số 111/2014/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính thì được tính giảm trừ gia cảnh trong năm 2024, kể cả trường hợp người phụ thuộc chưa được cơ quan thuế cấp MST.

+ Đối với cá nhân là công dân của quốc gia, vùng lãnh thổ đã ký kết hiệp định với Việt Nam về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các

loại thuế đánh vào thu nhập và là cá nhân cư trú tại Việt Nam thì việc tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc được tính tương ứng với số tháng xác định nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân phải khai tại Việt Nam theo quy định.

- + Trường hợp người nộp thuế đăng ký giảm trừ người phụ thuộc sau thời điểm thực tế phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng nhưng tại Mẫu số 02/ĐK-NPT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính khai “thời điểm tính giảm trừ” đúng với thời điểm thực tế phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng thì khi quyết toán thuế TNCN được tính lại theo thực tế phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng mà không phải đăng ký lại.
- + Trường hợp người nộp thuế đăng ký giảm trừ người phụ thuộc sau thời điểm thực tế phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng và tại Mẫu số 02/ĐK-NPT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính khai “thời điểm tính giảm trừ” sau thời điểm thực tế phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng, nếu cá nhân thuộc diện phải quyết toán thuế thì khi quyết toán thuế để được tính lại theo thực tế phát sinh, cá nhân đăng ký lại tại Mẫu số 02/ĐK-NPT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính và gửi kèm theo hồ sơ quyết toán thuế.

## 2.6. Hồ sơ, thủ tục, địa điểm, cách thức nộp hồ sơ quyết toán thuế TNCN 2024

### **Hồ sơ quyết toán thuế TNCN của doanh nghiệp**

- Trách nhiệm khai quyết toán thuế TNCN của doanh nghiệp

Doanh nghiệp có trách nhiệm khai quyết toán thuế và quyết toán thay cho các cá nhân có ủy quyền do tổ chức, cá nhân trả thu nhập chi trả, không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không phát sinh khấu trừ thuế.

- Doanh nghiệp không phát sinh trả thu nhập không phải khai quyết toán thuế TNCN

Theo điểm d, khoản 6 của Điều 8 Nghị định 126/2020/NĐ-CP hướng dẫn như sau:

Tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công có trách nhiệm khai quyết toán thuế và quyết toán thay cho các cá nhân có ủy quyền do tổ chức, cá nhân trả thu nhập chi trả, không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không phát sinh khấu trừ thuế. Trường hợp tổ chức, cá nhân không phát sinh trả thu nhập thì không phải khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân.

- Hồ sơ quyết toán thuế TNCN năm 2024 với tổ chức trả thu nhập nộp tới Cơ quan thuế quản lý trực tiếp

(1) Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân (áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công) theo mẫu 05/QTT-TNCN

(2) Phụ lục bảng kê khai chi tiết cá nhân thuộc diện tính thuế theo biểu lũy tiến từng phần tại mẫu 05-1/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư 80/2021/TT-BTC.

(3) Phụ lục bảng kê khai chi tiết cá nhân thuộc diện tính thuế theo thuế suất toàn phần tại mẫu 05-2/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư 80/2021/TT-BTC.

(4) Phụ lục bảng kê khai chi tiết cá nhân thuộc giảm trừ gia cảnh tại mẫu 05-3/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư 80/2021/TT-BTC.

Các mục (1), (2), (3), (4) nêu trên đã có mẫu sẵn trong phần mềm Hỗ trợ kê khai của Cơ quan thuế.

- Ủy quyền quyết toán thuế TNCN của người lao động

- o Đối với việc ủy quyền quyết toán thuế TNCN: người lao động ký hợp đồng từ 3 tháng trở lên tại một nơi và thực tế đang làm việc tại đó vào thời điểm thực hiện quyết toán thuế.
- o Trường hợp này áp dụng cho cả đối tượng có thu nhập vãng lai không quá 10 triệu đồng ở nơi khác và đã được khấu trừ 10% thuế TNCN nếu không có yêu cầu quyết toán với phần thu nhập này.
- o Cá nhân ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thay theo mẫu 05/UQ-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư 80/2021/TT-BTC.
- o Giấy ủy quyền của người lao động phải được lưu trữ đầy đủ tại doanh nghiệp và không phải nộp cùng hồ sơ quyết toán thuế TNCN đến Cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

### 3.Hướng dẫn lập phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN Thông tư số 80/2021/TT-BTC



Hình 5

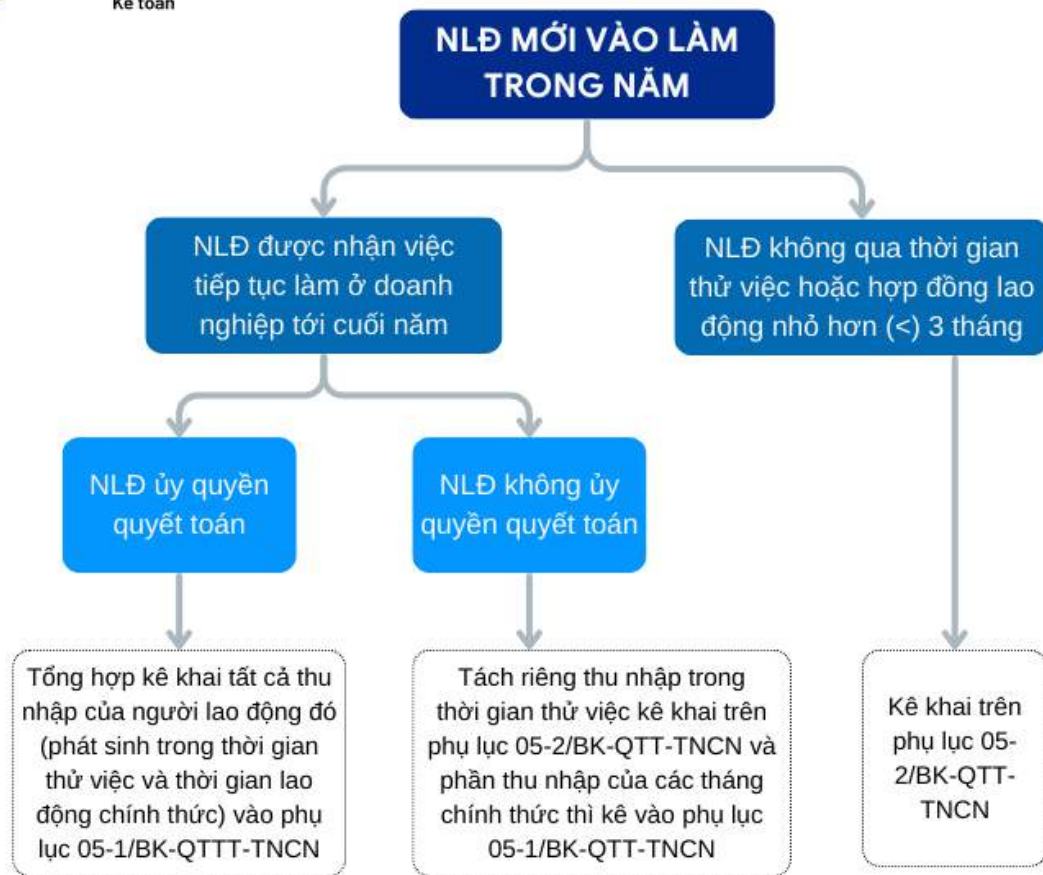
#### 3.1.Những lưu ý khi lập phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN – Bảng kê chi tiết cá nhân thuộc diện tính thuế theo biểu lũy tiến từng phần

##### 3.1.1.Lưu ý về đối tượng kê khai phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN

Đối tượng kê khai Phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN: Người lao động là cá nhân cư trú và đã ký hợp đồng lao động từ 3 tháng trở lên.

Thông thường các doanh nghiệp đều có lao động thuộc trường hợp kê khai tại Phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN. Các bạn nên xây dựng bảng lương hàng tháng có cột tổng hợp và phân loại đối tượng tính thuế TNCN ngay từ đầu để cuối năm tổng hợp số liệu được dễ dàng.

Liên quan đến vấn đề phân loại đối tượng cá nhân thuộc diện tính thuế theo lũy tiến từng phần hay toàn phần để xác định khai báo thu nhập lên Phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN hay Phụ lục 05-2/BK-QTT-TNCN chúng ta sẽ thường gặp tình huống liên quan đến trường hợp nhân viên mới vào làm.



Hình 6: Lưu ý các trường hợp phát sinh kê khai đối với NLĐ mới vào làm trong năm

**Trường hợp 1:** Người lao động thử việc sau đó không được nhận, người lao động có thời gian lao động nhỏ hơn (<) ba tháng:

Đây là nhóm đối tượng thuộc đối tượng tính thuế theo thuế suất toàn phần nên sẽ kê khai thu nhập vào “Phụ lục 05-2/BK-QTT-TNCN – Bảng kê chi tiết cá nhân thuộc diện tính thuế theo thuế suất toàn phần”.

**Trường hợp 2:** Sau thời gian thử việc, hợp đồng lao động chính thức thời hạn từ 03 tháng trở lên sẽ được ký kết. Đến cuối năm, nếu người lao động ủy quyền quyết toán thuế TNCN thì doanh nghiệp sẽ không kê khai phần thu nhập trong thời gian thử việc vào “Phụ lục 05-2/BK-QTT-TNCN” mà sẽ được tổng hợp kê khai tất cả thu nhập của người đó (phát sinh trong thời gian thử việc và thời gian lao động chính thức) vào “Phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN”.

**Trường hợp 3:** Người lao động sau thời gian thử việc ký HĐLĐ chính thức từ 03 tháng trở lên và làm đến cuối năm tại doanh nghiệp nhưng không ủy quyền quyết toán, cá nhân tự quyết toán. Trường hợp doanh nghiệp có khấu trừ thuế 2 tháng thử việc của

người lao động thì doanh nghiệp cấp chứng từ khấu trừ thuế cho cá nhân người lao động tự đi quyết toán.

Phần thu nhập của người lao động phải tách riêng thu nhập trong thời gian thử việc kê khai trên Phụ lục 05-2/BK-QTT-TNCN và phần thu nhập của các tháng chính thức thì kê vào phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN.

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 25 Thông tư số 111/2013/TT-BTC:

Với thời gian thử việc, hợp đồng lao động nhỏ hơn (<) 3 tháng thì người lao động thuộc đối tượng tính thuế theo thuế suất toàn phần có thể bị khấu trừ thuế TNCN 10% nếu số tiền chi trả từ 2 triệu đồng/lần trở lên.

Trường hợp người lao động đó đủ điều kiện và làm cam kết thu nhập trong năm dưới ngưỡng tính thuế TNCN và chỉ có duy nhất 1 nguồn thu nhập trong năm tại doanh nghiệp thì không phải khấu trừ thuế TNCN 10%.

**Lưu ý:** Cá nhân làm cam kết 02 phải đăng ký thuế và có mã số thuế tại thời điểm cam kết.

3.1.2. Lưu ý về kỳ tính thuế TNCN và mẫu biểu mới của Phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC

Nội dung thuộc phần Ghi chú của Phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN:

*“- Kỳ tính thuế tại chỉ tiêu [01] của Phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN trong mọi trường hợp quyết toán thuế TNCN của tổ chức, cá nhân trả thu nhập là theo năm dương lịch.*

*- Tổ chức trả thu nhập khi quyết toán thuế TNCN không phải khai thông tin chi tiết vào Bảng kê này đối với các cá nhân sau đây: Cán bộ, công chức có hệ số lương quy định tại bảng lương ban hành kèm theo Quyết định số 128/QĐ/TW ngày 14/12/2004 của Ban bí thư Trung ương Đảng; bảng lương ban hành kèm theo Nghị quyết số 730/2004/NQ-UBTVQH11 ngày 30/9/2004 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; bậc 3 Bảng 1 chuyên gia cao cấp, mức 1 – 2 Bảng lương cấp bậc quân hàm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ.”*

>> Tải ngay [29.-Bang-ke-05-1-BK-TNCN-05-1](#)

**Phụ lục**  
**BẢNG KÊ CHI TIẾT CÁ NHÂN**  
**THUỘC DIỆN TÍNH THUẾ THEO BIỂU LŨY TIẾN TỪNG PHẦN**  
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 05/QTT-TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu:  [03] Bổ sung lần thứ: ...

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:  -

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Số CMND/CCCD/SĐDCN Hồ chiếu (trường hợp chưa có MST)	Cá nhân ủy quyền quyết toán thay	CN nước ngoài uy quyết toán dưới 12 tháng	Thu nhập chịu thuế (TNCT)				Các khoản giảm trừ					Thu nhập tính thuế ([21])= [12]- [14]- [15]- [17])	Số thuế TNCN đã khấu trừ		Chi tiết kết quả quyết toán thay cho cá nhân nộp thuế			Cá nhân có số thuế được miễn do có số thuế còn phải nộp từ 50.000 đồng trở xuống	
						Tổng thu nhập chịu thuế	Trong đó: TNCT tại tổ chức trước khi điều chuyển (trường hợp có đánh dấu vào chỉ tiêu [04] tại Tờ khai 05/QTT-TNCN)	Trong đó: thu nhập chịu thuế được miễn theo quy định của Hợp đồng đầu khi	Trong đó: thu nhập chịu thuế được miễn theo quy định của Hợp đồng đầu khi	Số lương NPT tính giảm trừ	Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học	Bảo hiểm được trừ	Quỹ hưu trí tự nguyện được trừ		Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	Trong đó: số thuế đã khấu trừ tại tổ chức trước khi điều chuyển (trường hợp có đánh dấu vào chỉ tiêu [04] tại Tờ khai 05/QTT-TNCN)	Tổng số thuế phải nộp	Số thuế đã nộp thừa	Số thuế còn phải nộp		
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]	[19]	[20]	[21]	[22]	[23]	[24]	[25]	[26]	[27]	
1																						<input type="checkbox"/>
2																						<input type="checkbox"/>
...																						<input type="checkbox"/>
<b>Tổng</b>							[28]	[29]	[30]	[31]	[32]	[33]	[34]	[35]	[36]	[37]	[38]	[39]	[40]	[41]	[42]	[43]

2

(TNCT: Thu nhập chịu thuế; TNCN: thu nhập cá nhân; NPT: người phụ thuộc; SĐDCN: Số định danh cá nhân)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày ... tháng ... năm ...

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

**Ghi chú:**

- Kỳ tính thuế tại chỉ tiêu [01] trong mọi trường hợp quyết toán thuế TNCN của tổ chức, cá nhân trả thu nhập là theo năm dương lịch.

- Tổ chức trả thu nhập khi quyết toán thuế TNCN không phải khai thông tin chi tiết vào Bảng kê này đối với các cá nhân sau đây: Cán bộ, công chức có hệ số lương quy định tại bảng lương ban hành kèm theo Quyết định số 128/QĐ/TW ngày 14/12/2004 của Ban bí thư Trung ương Đảng; bảng lương ban hành kèm theo Nghị quyết số 730/2004/NQ-UBTVQH11 ngày 30/9/2004 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; bậc 3 Bảng 1 chuyên gia cao cấp, mức 1 - 2 Bảng lương cấp bậc quân hàm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ.

Hình 7: Mẫu số 05-1/BK-QTT-TNCN

### 3.2. Hướng dẫn cách kê khai từng chỉ tiêu trên Phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC

Chỉ tiêu [01] - Kỳ tính thuế: ghi kỳ tính thuế là năm 2024.

Chỉ tiêu [02] - Lần đầu: tích lần đầu nếu đây là lần đầu tiên các bạn kê khai của kỳ tính thuế năm 2024.

Chỉ tiêu [03] - Bổ sung lần thứ: ghi lần bổ sung (nếu có) sau lần đầu thì các tờ khai đều là tờ khai bổ sung và tính từ lần 1, đến các lần tiếp theo.

Chỉ tiêu [04] - Tên người nộp thuế: ghi tên doanh nghiệp theo đúng trong giấy đăng ký kinh doanh.

Chỉ tiêu [05] - Mã số thuế: ghi mã số thuế doanh nghiệp theo như trong giấy đăng ký kinh doanh.

Chỉ tiêu [06] - STT: ghi STT tăng dần lên từ số 01 trở đi.

Chỉ tiêu [07] - Họ và tên: nhập đúng họ và tên người lao động tính thuế theo biểu lũy tiến từng phần.

Chỉ tiêu [08] - Mã số thuế: ghi chính xác MST TNCN của người lao động. (Lưu ý: Bắt buộc phải nhập MST TNCN nếu tích vào ô ủy quyền quyết toán thuế TNCN chỉ tiêu [10] vì đây là điều kiện bắt buộc để ủy quyền, còn Số CMND/CCCD/SĐDCN/Hộ chiếu có thể bỏ trống, không điền. Không bắt buộc MST TNCN nếu không ủy quyền quyết toán (không tích chỉ tiêu [10]) mà chỉ cần nhập “Số CMND/CCCD/SĐDCN/Hộ chiếu”).

Chỉ tiêu [09] - Số CMND/CCCD/SĐDCN/Hộ chiếu: Trường hợp chưa có MST thì các bạn ghi chính xác thông tin “Số CMND/CCCD/SĐDCN/Hộ chiếu” của người lao động.

Chỉ tiêu [10] - Cá nhân ủy quyền quyết toán thay: tích vào ô này nếu người lao động đủ điều kiện và có ủy quyền quyết toán thuế TNCN cho doanh nghiệp. Không tích nếu người lao động không ủy quyền hoặc không đủ điều kiện ủy quyền. Nếu tích vào chỉ tiêu này thì được sửa các chỉ tiêu [24], [25], [26], nếu không tích thì không được sửa.

Chỉ tiêu [11] - Cá nhân nước ngoài ủy quyền quyết toán dưới 12 tháng: tích vào ô này nếu người lao động đủ điều kiện và có ủy quyền quyết toán thuế TNCN cho doanh nghiệp. Không tích nếu người lao động không ủy quyền hoặc không đủ điều kiện ủy quyền. Nếu tích vào thì được sửa các chỉ tiêu [24], [25], [26], nếu không tích thì không được sửa.

Chỉ tiêu [12] - Tổng thu nhập chịu thuế: Tổng thu nhập chịu thuế của từng nhân viên, được tổng hợp từ bảng lương 12 tháng cả năm 2024, là tổng các khoản thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công doanh nghiệp đã chi trả trong kỳ cho cá nhân cư trú có ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên, kể cả các khoản tiền lương, tiền công nhận được do làm việc tại khu kinh tế và thu nhập được miễn, giảm thuế theo hiệp định tránh đánh thuế hai lần.

Công thức tính:

$$\text{Thu nhập chịu thuế} = \text{Tổng thu nhập} - \text{Các khoản được miễn thuế}$$

Trong đó:

Tổng thu nhập: là tổng số tiền bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công và các khoản thu nhập chịu thuế khác có tính chất tiền lương, tiền công mà doanh nghiệp đã thực chi trả cho người lao động trong năm quyết toán 2021.

Các khoản được miễn thuế: Căn cứ theo quy định tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC và Thông tư số 92/2015/TT-BTC thì có thể tóm tắt một số khoản thu nhập phổ biến được miễn thuế TNCN như sau:

- Phụ cấp trang phục cho người lao động bằng tiền mặt thì không quá 5.000.000 đồng/năm. (Nếu doanh nghiệp chi trả phụ cấp bằng hiện vật như áo, quần trang phục có hóa đơn chứng từ hợp pháp thì được miễn toàn bộ khởi thu nhập của người lao động và không bị khống chế khi tính vào chi phí được trừ của doanh nghiệp).
- Phụ cấp ăn giữa ca, ăn trưa được trả bằng tiền hàng tháng cho người lao động không vượt quá 730.000 đồng/người/tháng. Trường hợp doanh nghiệp tự tổ chức bếp ăn, nấu ăn hoặc mua suất ăn, cấp phiếu ăn có đầy đủ hóa đơn chứng từ hợp pháp thì khoản thu nhập này được miễn và không khống chế khi tính vào chi phí được trừ của doanh nghiệp.
- Khoản chi công tác phí, điện thoại cho người lao động phù hợp quy định trong quy chế của doanh nghiệp thì được miễn.
- Tiền làm thêm giờ được trả cao hơn so với ngày bình thường. Nghĩa là phần tiền làm thêm tính theo đơn giá ngày công làm thêm giờ trả cao hơn so với ngày thường được miễn.

>> *Đọc thêm: [Thông tin mới nhất về các khoản chi phí bị khống chế năm 2024](#)*

**Ví dụ 3.1:** Anh Bình làm thêm 2 giờ, và đơn giá tiền công ngày thường là 20.000đ/giờ. Đơn giá tiền công làm thêm 1 giờ ngày thường là 30.000đ/giờ thì số tiền được miễn thuế từ thu nhập làm thêm là:

$$2 \text{ giờ} \times (30.000\text{đ/giờ} - 20.000\text{đ/giờ}) = 2 \text{ giờ} \times 10.000\text{đ/giờ} = 20.000\text{đ}$$

Khoản tiền thuê nhà do đơn vị sử dụng lao động trả hộ tính vào thu nhập chịu thuế theo số thực tế trả hộ nhưng không vượt quá 15% tổng thu nhập chịu thuế (chưa bao gồm tiền thuê nhà) tại đơn vị. Có nghĩa là nếu doanh nghiệp trả vượt 15% tổng thu nhập chịu thuế (chưa bao gồm tiền thuê nhà) tại đơn vị thì phần vượt trên đó sẽ được miễn cho người lao động. Người lao động chỉ bị tính vào thu nhập chịu thuế tối đa là 15% tổng thu nhập chịu thuế (chưa bao gồm tiền thuê nhà) tại đơn vị mà doanh nghiệp trả hộ.

**Lưu ý:** Trong TNCT tại chỉ tiêu [12] thì nếu các bạn thuộc một trong các trường hợp ở chỉ tiêu 13; 14; 15 thì cần ghi vào để tính toán thu nhập tính thuế cuối cùng cả năm được chính xác.

Chỉ tiêu [13] - Trong đó: TNCT tại tổ chức trước khi điều chuyển (trường hợp có đánh dấu vào chỉ tiêu [04] tại Tờ khai 05/QTT-TNCN).

Chỉ tiêu [13] liên quan đến khai báo ban đầu tại Tờ khai 05/QTT-TNCN (các bạn phải căn cứ điều kiện thực tế doanh nghiệp có chuyển nhượng hay không để ghi vào chỉ tiêu này) như sau:

+ Nếu các bạn tích chỉ tiêu [04] tại Tờ khai 05/QTT-TNCN thì các bạn có thể sửa lại chỉ tiêu này.

+ Nếu các bạn không tích chỉ tiêu [04] tại Tờ khai 05/QTT-TNCN thì chỉ tiêu [13] các bạn không thể nhập được.

Chỉ tiêu [14] - Trong đó: Thu nhập chịu thuế được miễn theo hiệp định: điền số thu nhập chịu thuế được miễn là các khoản thu nhập chịu thuế làm căn cứ xét miễn, giảm thuế theo hiệp định tránh đánh thuế hai lần.

Chỉ tiêu [15] - Trong đó: Thu nhập chịu thuế được miễn theo quy định của Hợp đồng dầu khí: điền số thu nhập chịu thuế được miễn là thu nhập chịu thuế được miễn theo quy định của hợp đồng dầu khí.

Chỉ tiêu [16] - Số lượng NPT tính giảm trừ: Chỉ tiêu này là tổng số người phụ thuộc đăng ký giảm trừ trong năm của người lao động và phải bằng tổng số người phụ thuộc ở phụ lục 05-3/BK-QTT-TNCN các bạn kê khai.

Chỉ tiêu [17] - Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh: là các khoản giảm trừ cho bản thân người nộp thuế và các khoản giảm trừ cho người phụ thuộc.

Công thức xác định tổng số tiền giảm trừ gia cảnh:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng tiền giảm trừ gia cảnh được} \\ \text{trừ trong kỳ quyết toán của người} \\ \text{lao động} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giảm trừ cho bản} \\ \text{thân} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giảm trừ người phụ} \\ \text{thuộc} \end{array}$$

Chỉ tiêu [18] - Từ thiện, nhân đạo, khuyến học: là các khoản chi đóng góp vào các tổ chức, cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người tàn tật, người già không nơi nương tựa; các khoản chi đóng góp vào các quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học được thành lập và hoạt động vì mục đích từ thiện, nhân đạo, khuyến học, không nhằm mục đích lợi nhuận (nếu có). Số tiền từ thiện, nhân đạo, khuyến học theo quy định của pháp luật sẽ được giảm trừ để tính ra thu nhập tính thuế đúng của người lao động.

**Lưu ý:** Điều kiện giảm trừ khoản này là:

+ Cá nhân cư trú

+ Có tài liệu chứng minh đóng góp theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC

+ Các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo, khuyến học phát sinh vào năm nào được giảm trừ vào thu nhập chịu thuế của năm tính thuế đó, nếu giảm trừ không hết không được trừ vào thu nhập chịu thuế của năm tính thuế tiếp theo. Mức giảm trừ tối đa không vượt quá thu nhập tính thuế từ tiền lương, tiền công và thu nhập từ kinh doanh của năm tính thuế phát sinh đóng góp từ thiện nhân đạo, khuyến học.

Chỉ tiêu [19] - Bảo hiểm được trừ: là các khoản đóng góp bảo hiểm gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc. Các bạn ghi tổng số tiền bảo hiểm trong năm người lao động đã đóng bảo hiểm bao gồm các khoản như trên của cả năm 2024 để tính giảm trừ cho người lao động. (Lưu ý cần đối chiếu cả số liệu trên bảng tính BHXH và thông báo BHXH mẫu C12 BHXH gửi về để có số liệu chính xác ghi vào đây).

Chỉ tiêu [20] – Quỹ hưu trí tự nguyện được trừ: là các khoản đóng góp vào Quỹ hưu trí tự nguyện theo thực tế phát sinh nhưng tối đa không quá 01 triệu đồng/tháng, kể cả trường hợp đóng góp vào nhiều quỹ. Các bạn ghi tổng số tiền quỹ hưu trí tự nguyện được trừ của người lao động đã đóng trong cả năm 2024 để giảm trừ cho người lao động.

Chỉ tiêu [21] - Thu nhập tính thuế:

Công thức tính thu nhập tính thuế như sau: [21] = [12] – [14] – [15] – [17]

**Lưu ý:** Chỉ tiêu này do phần mềm HTKK tự động tính toán và không cho sửa.

Chỉ tiêu [21] luôn  $\geq 0$  (nếu kết quả nhỏ hơn 0 thì chỉ tiêu [21] sẽ = 0).

Khi phần mềm HTKK đưa ra kết quả các bạn nên tự tính hoặc kiểm tra lại so với file excel số liệu đã tổng hợp của mình xem có đúng không.

Chỉ tiêu [22] - Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ: ghi tổng số tiền thuế TNCN đã trừ vào lương của người lao động trong năm quyết toán 2024.

Trong chỉ tiêu [22] nếu người lao động có số thuế đã khấu trừ tại tổ chức trước khi điều chuyển thì các bạn cần khai báo tại chỉ tiêu [23].

Chỉ tiêu [23] - Trong đó: Số thuế đã khấu trừ tại tổ chức trước khi điều chuyển (trường hợp có đánh dấu vào chỉ tiêu [04] tại Tờ khai 05/QTT: Nếu như các bạn có tích chỉ tiêu [04] tại Tờ khai 05/QTT-TNCN thì các bạn sẽ ghi số thuế đã khấu trừ tại tổ chức trước khi điều chuyển vào đây).

Sau khi nhập đầy đủ các chỉ tiêu từ [01] đến chỉ tiêu [23] thì đến chỉ tiêu từ [24], [25], [26] là 3 chỉ tiêu thông báo chi tiết kết quả quyết toán thay cho cá nhân nộp thuế. Ba chỉ tiêu này chỉ hiện ra khi các bạn có tích vào ủy quyền quyết toán. Ba chỉ tiêu này phần mềm tự động tính toán và được phép sửa. Cụ thể:

Chỉ tiêu [24] - Tổng số thuế phải nộp: Phần mềm sẽ hiện ra số thuế TNCN phải nộp theo số liệu quyết toán. Nếu tích ủy quyền quyết toán thì được phép sửa.

Chỉ tiêu [25] - Số thuế đã nộp thừa: Phần mềm sẽ hiện ra số thuế đã nộp thừa. Nếu các bạn có tích ủy quyền quyết toán thì được phép sửa.

Chỉ tiêu [26] - Số thuế còn phải nộp: Phần mềm sẽ hiện ra số thuế còn phải nộp. Nếu các bạn có tích ủy quyền quyết toán thì được phép sửa.

Chỉ tiêu [27] - Cá nhân có số thuế được miễn do có số thuế còn phải nộp từ 50.000 đồng trở xuống. Đây là chỉ tiêu miễn thuế TNCN nếu có số thuế còn phải nộp từ 50.000 đồng trở xuống đáp ứng quy định của điểm d3 khoản 6 Điều 8 Nghị định 126/2020/NĐ-CP.

- Nếu Chỉ tiêu [26] ≤ 50.000 đồng đồng thời có tích vào chỉ tiêu [10] cá nhân ủy quyền quyết toán thì ngầm định tự tích vào chỉ tiêu [27]

- Nếu không thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện Chỉ tiêu [26] ≤ 50.000 VNĐ và có tích vào chỉ tiêu [10] cá nhân ủy quyền quyết toán thì ngầm định để trống.

Mời các bạn xem ví dụ minh họa cách điền Phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN:

The image shows a screenshot of the MISAAMIS software interface. At the top, there is a header for 'Phụ lục BẢNG KẾ CHI TIẾT CÁ NHÂN THUỘC ĐIỂN TÍNH THUẾ THEO BIỂU LỖY TIỀN TỔNG PHẦN'. Below this, there are several input fields for taxpayer information, including name, address, and identification number. A table is present with columns for 'Thu nhập chịu thuế (TNCN)', 'Các khoản giảm trừ', and 'Số thuế TNCN đã nộp trừ'. The table contains several rows of data, including a total row at the bottom. The total row shows a total tax payable of 8,770,000 VND. There are also some checkboxes and other fields related to tax calculation and payment.

Hình 8: Ví dụ minh họa cách điền Phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN

Như vậy, các bạn nhân sự/kế toán trực tiếp thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân cho doanh nghiệp cần lưu ý tổng hợp các chỉ tiêu, số liệu để điền chính xác các thông tin yêu cầu kê khai trên Phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN.

## 4. Hướng dẫn lập phụ lục 05-2/BK-QTT-TNCN Thông tư số 80/2021/TT-BTC



*Hình 9: Hướng dẫn lập phụ lục 05-2/BK-QTT-TNCN*

## 4.1.Những lưu ý và một số điểm mới khi lập phụ lục 05-2/BK-QTT-TNCN

### 4.1.1.Đối tượng kê khai phụ lục 05-2/BK-QTT-TNCN



#### ĐỐI TƯỢNG KÊ KHAI PHỤ LỤC 05-2/BK-QTT-TNCN



Cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động; hoặc có hợp đồng lao động dưới 3 tháng



Cá nhân không cư trú được tổ chức, cá nhân trả thu nhập

Hình 10: Đối tượng kê khai phụ lục 05-2/BK-QTT-TNCN

Đối tượng kê khai trong phụ lục 05-2/BK-QTT-TNCN bao gồm một số đối tượng sau: cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động; hoặc có hợp đồng lao động dưới 3 tháng; hoặc cá nhân không cư trú được tổ chức, cá nhân trả thu nhập; *kể cả các cá nhân có thu nhập chưa đến mức khấu trừ thuế.*

**Lưu ý:** Cá nhân khi ký hợp đồng thử việc xong nhưng không ký hợp đồng lao động chính thức hoặc không đủ điều kiện để ủy quyền quyết toán cuối năm cho doanh nghiệp thì các bạn sẽ nhập phần thu nhập thử việc vào phụ lục bảng kê này.

Quy định về cá nhân cư trú bạn đọc có thể tham khảo đầy đủ tại Điều 1 Thông tư số 111/2013/TT-BTC. Các bạn cũng có thể hình dung sơ bộ qua sơ đồ sau thể hiện các điều kiện để là cá nhân cư trú.



*Hình 11: 2 điều kiện căn bản để là cá nhân cư trú*

Lưu ý các điều kiện làm bản cam kết như sau:

Để không bị khấu trừ 10% thuế thu nhập cá nhân tại nguồn thì theo điểm i khoản 1 Điều 25 Thông tư 111/2013/TT-BTC quy định cá nhân phải đủ các điều kiện như sau: “Các tổ chức, cá nhân trả tiền công, tiền thù lao, tiền chi khác cho cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động (theo hướng dẫn tại điểm c, d, khoản 2, Điều 2 Thông tư này) hoặc ký hợp đồng lao động dưới ba (03) tháng có tổng mức trả thu nhập từ hai triệu (2.000.000) đồng/lần trở lên thì phải khấu trừ thuế theo mức 10% trên thu nhập trước khi trả cho cá nhân.”

Trường hợp cá nhân chỉ có duy nhất thu nhập thuộc đối tượng phải khấu trừ thuế theo tỷ lệ nêu trên nhưng ước tính tổng mức thu nhập chịu thuế của cá nhân sau khi trừ gia cảnh chưa đến mức phải nộp thuế thì cá nhân có thu nhập làm cam kết (theo mẫu ban hành kèm theo văn bản hướng dẫn về quản lý thuế) gửi tổ chức trả thu nhập để tổ chức trả thu nhập làm căn cứ tạm thời chưa khấu trừ thuế thu nhập cá nhân.

Căn cứ vào cam kết của người nhận thu nhập, tổ chức trả thu nhập không khấu trừ thuế. Kết thúc năm tính thuế, tổ chức trả thu nhập vẫn phải tổng hợp danh sách và thu nhập của những cá nhân chưa đến mức khấu trừ thuế (vào mẫu ban hành kèm theo văn bản hướng dẫn về quản lý thuế) và nộp cho cơ quan thuế. Cá nhân làm cam kết phải

chịu trách nhiệm về bản cam kết của mình, trường hợp phát hiện có sự gian lận sẽ bị xử lý theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Cá nhân làm cam kết theo hướng dẫn tại điểm này phải đăng ký thuế và có mã số thuế tại thời điểm cam kết.

#### 4.1.2. Bảng ước tính giảm trừ gia cảnh tối đa chưa đến mức phải nộp thuế

ST T	Số người phụ thuộc	Thu nhập nhận được từ tiền lương, tiền công không vượt quá (triệu đồng/tháng)	Tổng thu nhập nhận được từ tiền lương, tiền công không vượt quá (triệu đồng/năm)
1	Không có người phụ thuộc	11	132
2	Có 01 người phụ thuộc	15,4 (= 11 + 4,4)	184,8
3	Có 02 người phụ thuộc	19,8 (=11 + 4,4 x 2)	237,6

#### 4.2. Hướng dẫn chi tiết cách lập các chỉ tiêu trên phụ lục 05-2/BK-QTT-TNCN

Chỉ tiêu [01] - Kỳ tính thuế: ghi kỳ tính thuế là năm 2024.

Chỉ tiêu [02] - Lần đầu: tích lần đầu nếu đây là lần đầu tiên các bạn kê khai của kỳ tính thuế năm 2024.

Chỉ tiêu [03] - Bổ sung lần thứ: ghi lần bổ sung (nếu có) sau lần đầu thì các tờ khai đều là tờ khai bổ sung và tính từ lần 1, đến các lần tiếp theo.

Chỉ tiêu [04] - Tên người nộp thuế: ghi tên doanh nghiệp theo đúng trong giấy đăng ký kinh doanh.

Chỉ tiêu [05] - Mã số thuế: ghi mã số thuế doanh nghiệp theo như trong giấy đăng ký kinh doanh.

Chỉ tiêu [06] - STT: ghi STT tăng dần từ 1.

Chỉ tiêu [07] - Họ và tên: ghi đúng họ và tên của người lao động.

Chỉ tiêu [08] - Mã số thuế: ghi đúng MST thu nhập cá nhân của người lao động.

Chỉ tiêu [09] – Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: ghi đúng số CMND/CCCD/Hộ chiếu của người lao động. (Lưu ý: Bắt buộc nhập 1 trong 2 chỉ tiêu [08] và [09] (MST hoặc Số CMND/CCCD/Hộ chiếu)).

Chỉ tiêu [10] - Cá nhân không cư trú: Nếu người lao động là cá nhân không cư trú thì tích vào ô này.

Chỉ tiêu [11] - Tổng số (Thu nhập chịu thuế): là tổng các khoản thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công đã trả trong kỳ cho cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động hoặc có hợp đồng lao động dưới 03 tháng và cá nhân không cư trú trong kỳ, kể cả các khoản tiền lương, tiền công nhận được do làm việc tại khu kinh tế và thu nhập được miễn, giảm thuế theo hiệp định tránh đánh thuế 2 lần; và các khoản phí mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động.

*Chỉ tiêu [11] luôn lớn hơn hoặc bằng ( $\geq$ ) [12] + [13] + [14]*

Chỉ tiêu [12] - Trong đó: TNCT từ phí mua BH nhân thọ, BH không bắt buộc khác của DN BH không thành lập tại Việt Nam cho người lao động: là khoản tiền mà doanh nghiệp mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác có tích lũy về phí bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động.

Chỉ tiêu [13] - Trong đó thu nhập chịu thuế được miễn theo Hiệp định: là các khoản thu nhập chịu thuế làm căn cứ được miễn, giảm thuế theo hiệp định tránh đánh thuế hai lần.

Chỉ tiêu [14] - Trong đó thu nhập chịu thuế được miễn theo quy định của hợp đồng đầu khí: là các khoản thu nhập chịu thuế được miễn theo quy định của hợp đồng đầu khí.

Chỉ tiêu [15] - Tổng số (Số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đã khấu trừ): ghi tổng số tiền thuế TNCN đã trừ vào lương của người lao động trong năm quyết toán 2021.

Chỉ tiêu [16] - Trong đó: Số thuế từ phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động: Các bạn ghi riêng số tiền thuế thu nhập cá nhân mà doanh nghiệp đã khấu trừ trên khoản tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác có tích lũy về phí bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động.

Công thức tính chỉ tiêu [16] = [12] \* 10%

Mời các bạn xem ví dụ minh họa cách điền Phụ lục 05-2/BK-QTT-TNCN ở hình ảnh dưới đây:



**Phụ lục**  
**BẢNG KÊ CHI TIẾT CÁ NHÂN**  
**THUỘC DIỆN TÍNH THUẾ THEO THUẾ SUẤT TOÀN PHẦN**  
*(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 05/QTT-TNCN)*

Mẫu số: 05-2/BK-QTT-TNCN  
(Ban hành kèm theo Thông tư số  
ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021  
[02] Lần đầu:  X      [03] Bổ sung lần thứ: ....  
[04] Tên người nộp thuế: Công ty TNHH B  
[05] Mã số thuế: 01012431xx

*Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam*

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Số CMND/CC CD/ Hộ chiếu	Cá nhân không cư trú	Thu nhập chịu thuế (TNCT)		Trong đó thu nhập chịu thuế được miễn theo Hiệp định	Trong đó TN chịu thuế được miễn theo quy định của Hợp đồng đầu	Số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đã khấu trừ		
					Tổng số	Trong đó: TNCT từ phí mua BH nhân thọ, BH không bắt buộc khác của DN BH không thành lập tại Việt Nam cho người lao động			Tổng số	Trong đó: Số thuế từ phí mua BH nhân thọ, BH không bắt buộc khác của DN BH không thành lập tại	
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	
1	Phạm Thị Lưu	8038483985	121426005		24,000,000				2,400,000		
2	Phạm Thị Ngát	8428001884	121772694		18,000,000						
3	Trần Thị Nụ	8057907703	121530137		20,000,000				2,000,000		
4	Saito Masashi	0109653456	14A.20905	X	150,000,000				30,000,000		
<b>Tổng</b>					<b>212,000,000</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>34,400,000</b>	<b>0</b>

*(BH: Bảo hiểm; DN: doanh nghiệp; CMND: Chứng minh nhân dân; CCCD: Căn cước công dân)*

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai/.

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số: .....

*Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2022*

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

*(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)*

*Hình 12: Ví dụ minh họa cách điền Phụ lục 05-2/BK-QTT-TNCN*

MISA AMIS hy vọng bạn đọc đã nắm được cách kê khai cho phụ lục 05-2/BK-QTT-TNCN áp dụng cho các cá nhân thuộc diện tính thuế theo thuế suất toàn phần.

## 5.Hướng dẫn lập phụ lục tờ mẫu số 05-3/BK-QTT-TNCN



*Hình 13: Hướng dẫn lập phụ lục tờ khai quyết toán thuế TNCN năm 2024*

### 5.1.Những lưu ý khi lập phụ lục 05-3/BK-QTT-TNCN

Trong năm 2024 nếu doanh nghiệp có người lao động đăng ký người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh thì kế toán (hoặc bộ phận nhân sự...) kiểm tra hồ sơ chứng minh người phụ thuộc mà người lao động cung cấp có đầy đủ hợp lệ và đáp ứng điều kiện để được tính giảm trừ gia cảnh cho năm 2024 không. Trường hợp người lao động chưa nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định, các bạn yêu cầu người lao động bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Khi đã kiểm tra, hoàn thiện các hồ sơ đăng ký giảm trừ gia cảnh đối với người lao động, các bạn lập tờ khai đăng ký NPT giảm trừ gia cảnh mẫu số 02/ĐK-NPT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính gửi lên cơ quan thuế trong năm 2024 để được cấp MST và đăng ký tính giảm trừ người phụ thuộc.

Đến thời điểm quyết toán thuế TNCN năm 2024 thì các bạn tổng hợp thông tin người phụ thuộc của cán bộ nhân viên công ty để kê khai vào Phụ lục 05-3/BK-QTT-TNCN.

## **Những lưu ý:**

Thứ nhất, các bạn cần lưu ý về thời hạn đăng ký giảm trừ người phụ thuộc của năm 2024 như sau:

Đối tượng số 1: Con đẻ, con nuôi hợp pháp, con ngoài giá thú, con riêng của vợ, con riêng của chồng; vợ hoặc chồng; cha đẻ, mẹ đẻ; cha vợ, mẹ vợ (hoặc cha chồng, mẹ chồng); cha dượng, mẹ kế; cha nuôi, mẹ nuôi hợp pháp của người nộp thuế đáp ứng một trong điều kiện sau:

- Dưới 18 tuổi
- Nếu trên 18 tuổi thì thu nhập bình quân <1.000.000đ/tháng và bị khuyết tật, không có khả năng lao động.
- Hết độ tuổi lao động: Nam trên 60 tuổi 03 tháng và Nữ trên 55 tuổi 04 tháng. Tổng thu nhập bình quân < 1.000.000 đồng/tháng.

Thời hạn đăng ký giảm trừ gia cảnh cho đối tượng 1:

Nếu cơ quan chi trả thu nhập thực hiện đăng ký thuế chậm nhất là 10 (mười) ngày làm việc trước thời điểm nộp hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân hàng năm (nghĩa là trước thời điểm 01/04/2024 từ 10 ngày làm việc trở lên tức ngày 18/03/2024). (*Theo Điều 6, Thông tư số 95/2016/TT-BTC*).

Đối tượng số 2: Các cá nhân khác không nơi nương tựa mà người nộp thuế đang phải trực tiếp nuôi dưỡng (*chi tiết tại tiết d.4, điểm d, khoản 1, Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính*) bao gồm: anh ruột, chị ruột, em ruột, ông nội, bà nội; ông ngoại, bà ngoại; cô ruột, dì ruột, cậu ruột, chú ruột, bác ruột; cháu ruột bao gồm: con của anh ruột, chị ruột, em ruột và người phải trực tiếp nuôi dưỡng khác theo quy định của pháp luật. Đồng thời, đáp ứng một trong điều kiện sau:

- Dưới 18 tuổi
- Nếu trên 18 tuổi thì thu nhập bình quân < 1.000.000 đồng/tháng và bị khuyết tật, không có khả năng lao động.
- Hết độ tuổi lao động: Nam trên 60 tuổi 03 tháng và Nữ trên 55 tuổi 04 tháng. Tổng thu nhập bình quân < 1.000.000 đồng/tháng.

Thời hạn đăng ký giảm trừ gia cảnh của nhóm đối tượng này là: 31/12/2024 (*theo quy định tại điểm c.2 khoản 1 Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC*).

Thứ hai, đối tượng người phụ thuộc phải có hồ sơ chứng minh người phụ thuộc để sau này xuất trình cơ quan thuế kiểm tra.

>> Xem thêm: [Cách đăng ký giảm trừ gia cảnh](#)

## 5.2.Hướng dẫn cách kê khai từng chỉ tiêu trên phụ lục 05-3/BK-QTT-TNCN

Chỉ tiêu [01] - Kỳ tính thuế: ghi kỳ tính thuế là năm 2024.

Chỉ tiêu [02] - Lần đầu: tích lần đầu nếu đây là lần đầu tiên các bạn kê khai của kỳ tính thuế năm 2024.

Chỉ tiêu [03] - Bổ sung lần thứ: ghi lần bổ sung (nếu có) sau lần đầu thì các tờ khai đều là tờ khai bổ sung và tính từ lần 1, đến các lần tiếp theo.

Chỉ tiêu [04] - Tên người nộp thuế: ghi tên doanh nghiệp theo đúng trong giấy đăng ký kinh doanh.

Chỉ tiêu [05] - Mã số thuế: ghi mã số thuế doanh nghiệp theo như trong giấy đăng ký kinh doanh.

Chỉ tiêu [6] - STT: đánh STT tăng dần từ 1 trở đi.

Chỉ tiêu [07] - Họ và tên người nộp thuế là người lao động tại tổ chức trả thu nhập: ghi đúng họ tên của người lao động. (Lưu ý nếu như trường hợp người lao động đăng ký nhiều người phụ thuộc thì các bạn kê khai thêm các dòng bên dưới, mỗi dòng là thông tin người phụ thuộc khác nhau nhưng thông tin người lao động (họ tên và mã số thuế TNCN) là giống nhau).

Chỉ tiêu [08] - MST của người nộp thuế là người lao động tại tổ chức trả thu nhập: ghi đúng mã số thuế TNCN của người lao động. (Lưu ý mã số thuế của người nộp thuế phải được kê khai trên bảng kê 05-1/BK-QTT-TNCN hoặc 05-2/BK-QTT-TNCN.)

Chỉ tiêu [09] - Họ và tên người phụ thuộc: ghi đúng họ tên người phụ thuộc mà người lao động đã đăng ký.

Chỉ tiêu [10] - Ngày sinh người phụ thuộc: ghi đúng ngày sinh người phụ thuộc của người lao động đăng ký giảm trừ. (Lưu ý nếu các bạn chọn tích “chỉ nhập năm sinh” trên mẫu khai báo thông tin người phụ thuộc thì mặc định ngày sinh là 01/01, nếu không thì các bạn cần ghi đầy đủ dạng dd/mm/yyyy.)

Chỉ tiêu [11] - MST của người phụ thuộc: ghi đúng MST người phụ thuộc của người lao động.

Chỉ tiêu [12] - Loại giấy tờ (Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/GKS) người phụ thuộc: ghi đúng loại giấy tờ người phụ thuộc của người lao động. Các giấy tờ được ghi là chứng minh thư nhân dân (CMND); căn cước công dân (CCCD); hộ chiếu; giấy khai sinh (GKS).

Chỉ tiêu [13] - Số giấy tờ: ghi đúng số CMND/CCCD/Hộ chiếu/GKS người phụ thuộc của người lao động.

**Lưu ý** chỉ tiêu [11] và [12], [13] không được đồng thời để trống. Nếu như người phụ thuộc chưa có MST thì các bạn cần kê khai đầy đủ thông tin tại chỉ tiêu số [12] và [13].

Chỉ tiêu [14] - Quan hệ với người nộp thuế: ghi đúng thông tin về quan hệ giữa người phụ thuộc với người lao động.

Cụ thể như sau: Con = con của người lao động; Vợ/chồng = vợ hoặc chồng; Cha/mẹ = bố hoặc mẹ; Các giá trị khác thì cho vào khác. Phần mềm HTKK cho phép các bạn chọn một trong các giá trị lựa chọn sau: Con; Vợ/chồng; Cha/mẹ; Khác”.

Chỉ tiêu [15] - Từ tháng: ghi tháng bắt đầu tính giảm trừ. (Lưu ý thời gian bắt đầu tính tính giảm trừ phải thuộc kỳ quyết toán năm 2024. Ví dụ: các bạn đăng ký giảm trừ từ tháng 01 năm 2024 thì ghi 01/2024).

Chỉ tiêu [16] - Đến tháng: ghi tháng kết thúc tính giảm trừ. (Lưu ý thời gian kết thúc tính giảm trừ phải thuộc kỳ quyết toán năm 2024. Ví dụ: các bạn đăng ký giảm trừ đến tháng 12 năm 2024 thì ghi 12/2024).

Mời các bạn tham khảo ví dụ về thông tin người phụ thuộc của CBNV thuộc Công ty ABC và cách điền phụ lục 05-3/BK-QTT-TNCN dưới đây:

BẢNG TỔNG HỢP THÔNG TIN NGƯỜI LAO ĐỘNG QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN NĂM 2023 CÔNG TY ABC								
STT	Họ và tên	Mã số thuế	Số người phụ thuộc	Thông tin về người phụ thuộc của người lao động				
				Họ và tên	MST NPT	Từ tháng	Đến tháng	Số tháng được giảm trừ 2023
1	Trần Thị Tuyền	8034046303	1	Lương Thị Xuân	8117099354	01/2021	12/2021	12
2	Vũ Thị Hồng	8504478551	1	Mai Thị Thủy	8123091836	01/2021	12/2021	12
3	Nguyễn Thị Hương	8550401401	2	Nguyễn Thị Thê	8688513656	01/2021	12/2021	12
				Nguyễn Văn Ba	8121736978	01/2021	12/2021	12
4	Nguyễn Thị Nguyệt	8125716001	1	Nguyễn Văn Lâm	8320843414	01/2021	12/2021	12
	<b>Cộng</b>		<b>5</b>	-	-	-	-	<b>60</b>

Hình 14: Bảng tổng hợp thông tin người phụ thuộc của cán bộ nhân viên Công ty ABC

**PHỤ LỤC**  
**BẢNG KÊ CHI TIẾT NGƯỜI PHỤ THUỘC GIẢM TRỪ GIA CẢNH**  
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 05/QTT-TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023

[02] Lần đầu:  [03] Bổ sung lần thứ: ....

[04] Tên người nộp thuế: Công ty TNHH ABC

[05] Mã số thuế: 0101243xxx

STT	Họ và tên người nộp thuế là người lao động tại tổ chức trả thu nhập	MST của người nộp thuế là người lao	Họ và tên người phụ thuộc	Ngày sinh người phụ thuộc	MST của người phụ thuộc	Loại giấy tờ (Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/GKS)	Số giấy tờ	Quan hệ với người nộp thuế	Thời gian tính giảm trừ trong năm tính thuế	
									Từ tháng	Đến tháng
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
1	Trần Thị Tuyền	8034046303	Lương Thị Xuân	03/09/2019	8117099354	GKS	12	Con	01/2021	12/2021
2	Vũ Thị Hồng	8504478551	Mai Thị Thủy	01/05/2020	8123091836	GKS	14	Con	01/2021	12/2021
3	Nguyễn Thị Hương	8550401401	Nguyễn Thị Thê	02/08/2020	8688513656	GKS	18	Con	01/2021	12/2021
4	Nguyễn Thị Hương	8550401401	Nguyễn Văn Ba	03/01/2018	8121736978	GKS	21	Con	01/2021	12/2021
5	Nguyễn Thị Nguyệt	8125716001	Nguyễn Văn Lâm	06/06/2019	8320843414	GKS	1	Con	01/2021	12/2021

(MST: Mã số thuế; CMND: Chứng minh nhân dân; CCCD: Căn cước công dân; GKS: Giấy khai sinh)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai.

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số: .....

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**

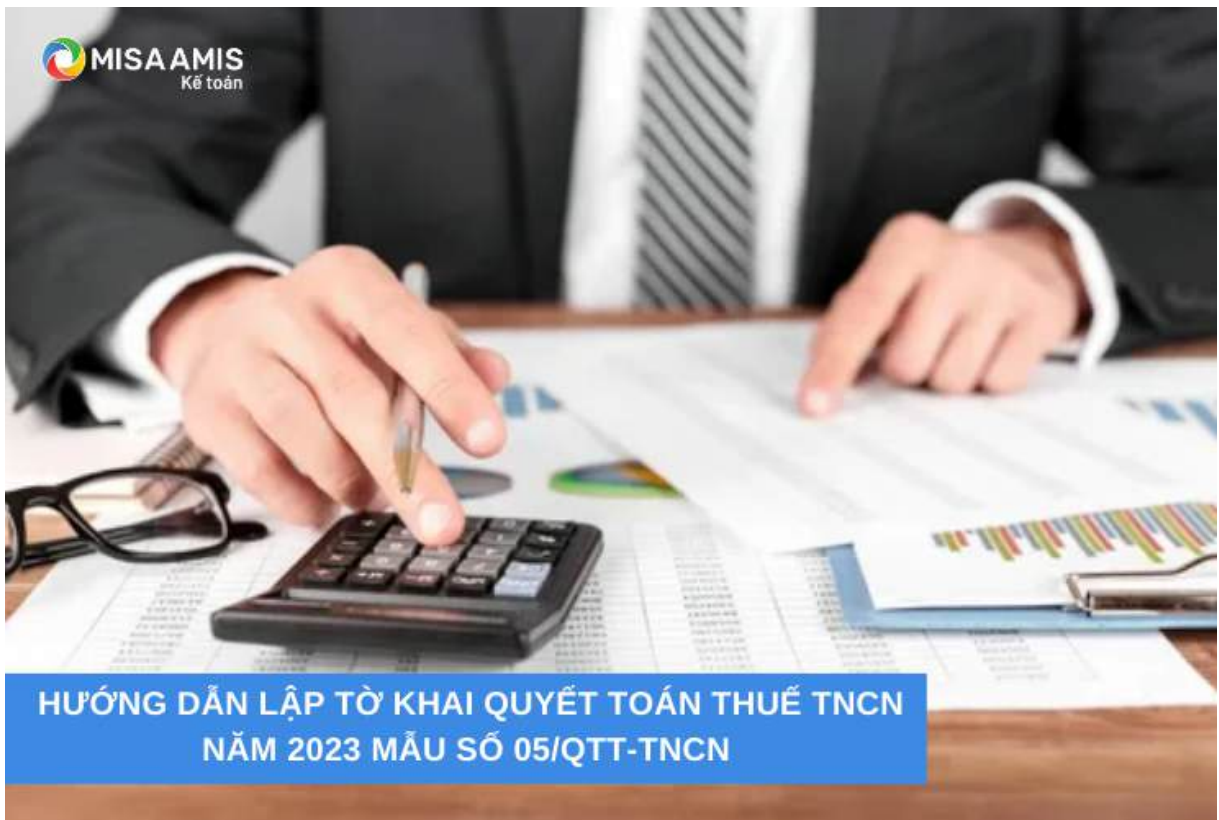
**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chửu vu và đóng  
dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú: Trường hợp người phụ thuộc chưa có mã số thuế thì phải khai thông tin chi tiêu [12].

Hình 15: Ví dụ cách điền phụ lục 05-3/BK-QTT-TNCN

## 6.Hướng dẫn lập tờ khai quyết toán thuế TNCN mẫu 05/QTT-TNCN Thông tư 80/2021/TT-BTC



*Hình 16: Hướng dẫn lập tờ khai quyết toán thuế TNCN năm 2024 Mẫu số 05/QTT-TNCN*

### 6.1.Hướng dẫn cách kê khai từng chỉ tiêu trên tờ khai quyết toán thuế 05/QTT-TNCN

Chỉ tiêu [01] - Kỳ tính thuế: ghi kỳ tính thuế là năm 2024.

Chỉ tiêu [02] - Lần đầu: tích lần đầu nếu đây là lần đầu tiên các bạn kê khai thuế TNCN của kỳ tính thuế năm 2024.

Chỉ tiêu [03] - Bổ sung lần thứ: ghi lần bổ sung (nếu có) sau lần đầu thì các tờ khai đều là tờ khai bổ sung và tính từ lần 1, đến các lần tiếp theo.

Chỉ tiêu [04] - Tổ chức có quyết toán thuế theo uỷ quyền của cá nhân được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới do tổ chức cũ thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp hoặc điều chuyển trong cùng hệ thống: chỉ tích vào chỉ tiêu này nếu thuộc trường hợp như chỉ tiêu đã nêu.

Chỉ tiêu [05] - Tên người nộp thuế: ghi đúng tên doanh nghiệp như trong giấy đăng ký kinh doanh.

Chỉ tiêu [06] - Mã số thuế: ghi mã số thuế doanh nghiệp đúng như trong giấy đăng ký kinh doanh.

Chỉ tiêu [07] - Địa chỉ: ghi chính xác theo giấy phép đăng ký kinh doanh.

Chỉ tiêu [08] - Quận/huyện: ghi địa chỉ huyện theo như giấy phép đăng ký kinh doanh.

Chỉ tiêu [09] - Tỉnh/thành phố: ghi địa chỉ tỉnh/thành phố giống như giấy phép đăng ký kinh doanh.

Chỉ tiêu [10] - Điện thoại: ghi số điện thoại của doanh nghiệp (nếu có).

Chỉ tiêu [11] - Fax: ghi số fax của doanh nghiệp (nếu có).

Chỉ tiêu [12] - Email: ghi thêm địa chỉ email doanh nghiệp (nếu có).

Chỉ tiêu [13] - Tên đại lý thuế (nếu có): Trường hợp doanh nghiệp các bạn có ký hợp đồng với đại lý thuế để kê khai thay cho doanh nghiệp thì cần ghi đúng tên đại lý thuế.

Chỉ tiêu [14] - Mã số thuế: ghi chính xác mã số thuế của đại lý thuế kê khai thay doanh nghiệp.

Chỉ tiêu [15] - Hợp đồng đại lý thuế: ghi đúng số hợp đồng đại lý và ngày ký hợp đồng.

Chỉ tiêu [16] - Tổng số người lao động: Tổng số người lao động bao gồm cả cá nhân cư trú ký hợp đồng và cá nhân không ký hợp đồng lao động (do phần mềm tự động tổng hợp từ các phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN; 05-2/BK-QTT-TNCN). Tuy nhiên các bạn được phép sửa chỉ tiêu này.

Chỉ tiêu [17] - Trong đó: Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động: ở chỉ tiêu này chỉ ghi những cá nhân cư trú có hợp đồng lao động. Phần mềm HTKK tự động lấy số liệu từ Phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN để điền vào chỉ tiêu này. Tuy nhiên các bạn được phép sửa chỉ tiêu này.

Chỉ tiêu [18] - Tổng số cá nhân đã khấu trừ thuế được tính theo công thức:

$$[18] = [19] + [20]$$

thể hiện tổng số cá nhân đã khấu trừ thuế theo công thức trên (do phần mềm tự động, không cho sửa).

Chỉ tiêu [19] - Cá nhân cư trú: ghi số lượng cá nhân cư trú đã khấu trừ thuế (do phần mềm HTKK tự động tổng hợp từ các phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN; 05-2/BK-QTT-TNCN để ghi vào chỉ tiêu này. Các bạn được phép sửa chỉ tiêu này.

Chỉ tiêu [20] - Cá nhân không cư trú: ghi số lượng cá nhân không cư trú đã khấu trừ thuế (do phần mềm tự động tổng hợp từ Phụ lục 05-2/BK-QTT-TNCN, không cho sửa).

Chỉ tiêu [21] - Tổng số cá nhân thuộc diện được miễn, giảm thuế theo hiệp định tránh đánh thuế hai lần: ghi tổng số cá nhân thuộc diện được miễn, giảm thuế theo hiệp định tránh đánh thuế hai lần (do phần mềm tự động tổng hợp từ các phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN; 05-2/BK-QTT-TNCN). Phần mềm các bạn được phép sửa chỉ tiêu này.

Chỉ tiêu [22] - Tổng số cá nhân giảm trừ gia cảnh: ghi tổng số cá nhân giảm trừ gia cảnh (do phần mềm tự động tổng hợp từ các phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN).

Chỉ tiêu [23] - Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân được xác định theo công thức:

$$[23] = [24] + [25]$$

thể hiện tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân (do phần mềm HTKK tự cộng).

Chỉ tiêu [24] - Cá nhân cư trú: ghi tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân cư trú (do phần mềm tự động tổng hợp từ các phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN; 05-2/BK-QTT-TNCN). Các bạn được phép sửa chỉ tiêu này.

Chỉ tiêu [25] - Cá nhân không cư trú: ghi tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân không cư trú (do phần mềm HTKK tự động tổng hợp từ phụ lục 05-2/BK-QTT-TNCN).

Chỉ tiêu [26] - Trong đó: Tổng thu nhập chịu thuế từ tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động: ghi lại tổng thu nhập chịu thuế từ tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động (do phần mềm tự động tổng hợp từ các phụ lục 05-2/BK-QTT-TNCN).

Chỉ tiêu [27] - Trong đó: Tổng thu nhập chịu thuế được miễn theo quy định của hợp đồng dầu khí: ghi riêng phần tổng thu nhập chịu thuế được miễn theo quy định của hợp đồng dầu khí (do phần mềm tự động tổng hợp từ các phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN; 05-2/BK-QTT-TNCN).

Chỉ tiêu [28] - Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân thuộc diện phải khấu trừ thuế: ghi tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân thuộc diện phải khấu trừ thuế, được tính bằng công thức:

$$[28] = [29] + [30]$$

Chỉ tiêu [29] - Cá nhân cư trú: ghi tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân thuộc diện phải khấu trừ thuế của các cá nhân cư trú (do phần mềm tự động tổng hợp từ các phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN; 05-2/BK-QTT-TNCN).

Chỉ tiêu [30] - Cá nhân không cư trú: ghi tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân thuộc diện phải khấu trừ thuế của các cá nhân không cư trú (do phần mềm tự động tổng hợp từ phụ lục 05-2/BK-QTT-TNCN).

Chỉ tiêu [31] - Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ: ghi tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ, được tính bằng công thức:  $[31] = [32] + [33]$  (do phần mềm tự cộng)

Chỉ tiêu [32] - Cá nhân cư trú: ghi tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ của các cá nhân cư trú (do phần mềm HTKK tự động tổng hợp từ các phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN; 05-2/BK-QTT-TNCN). Tuy nhiên các bạn vẫn được phép sửa.

Chỉ tiêu [33] - Cá nhân không cư trú: ghi tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ của các cá nhân không cư trú (do phần mềm tự động tổng hợp từ phụ lục 05-2/BK-QTT-TNCN).

Chỉ tiêu [34] Trong đó: Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ trên tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động: ghi lại tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ trên tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động (do phần mềm tự động tổng hợp từ các phụ lục 05-2/BK-QTT-TNCN).

Chỉ tiêu [35] - Tổng số cá nhân uỷ quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thay: ghi tổng số lượng cá nhân uỷ quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thay (do phần mềm HTKK tự động tổng hợp từ các phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN).

Chỉ tiêu [36] - Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ: ghi tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ (do phần mềm tự động tổng hợp từ các phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN).

Chỉ tiêu [37] - Trong đó: Số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ tại tổ chức trước khi điều chuyển (trường hợp có đánh dấu vào chỉ tiêu [04]): ghi đúng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ tại tổ chức trước khi điều chuyển (trường hợp có đánh dấu vào chỉ tiêu [04]) (do phần mềm tự động tổng hợp từ các phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN).

Chỉ tiêu [38] - Tổng số thuế thu nhập cá nhân phải nộp: ghi tổng số thuế thu nhập cá nhân phải nộp (do phần mềm tự động tổng hợp từ các phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN).

Chỉ tiêu [39] - Tổng số thuế thu nhập cá nhân được miễn do cá nhân có số thuế còn phải nộp sau ủy quyền quyết toán từ 50.000 đồng trở xuống: ghi tổng số thuế thu nhập cá nhân được miễn do cá nhân có số thuế còn phải nộp sau ủy quyền quyết toán từ 50.000 đồng trở xuống (do phần mềm HTKK tự động tổng hợp từ các phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN).

Chỉ tiêu [40] - Tổng số thuế thu nhập cá nhân còn phải nộp: ghi tổng số thuế thu nhập cá nhân còn phải nộp, sử dụng công thức sau:

$$[40] = [38] - [36] - [39]$$

Nếu giá trị trong chỉ tiêu này dương ( $> 0$ ) thì sẽ được ghi vào chỉ tiêu [40] (do phần mềm tự động tính).

Chỉ tiêu [41] - Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã nộp thừa: ghi tổng số thuế thu nhập cá nhân đã nộp thừa, vẫn sử dụng công thức như trên,  $[40] = ([38] - [36] - [39])$

Nếu giá trị trong chỉ tiêu này âm ( $< 0$ ) thì sẽ được ghi vào chỉ tiêu [41] (do phần mềm HTKK tự cộng).

## 6.2. Ví dụ minh họa hướng dẫn kê khai quyết toán thuế TNCN năm 2024

MISA AMIS dẫn ví dụ minh họa hướng dẫn kê khai quyết toán thuế TNCN tại Công ty TNHH Hoàng Nam (một doanh nghiệp giả định với số liệu giả định) cho kỳ tính thuế năm 2024.

Cuối năm kế toán Công ty Hoàng Nam có tổng hợp được bảng số liệu tất cả các khoản trả tiền lương và tiền thưởng cũng như các khoản phụ cấp đã trả cho người lao động trong năm 2024 như trong hình dưới đây:

Mời các bạn cùng xem bảng ví dụ bảng tổng hợp thanh toán lương của Công ty Hoàng Nam dưới đây:

Công ty TNHH Hoàng Nam có phát sinh tình hình chi trả lương cho nhân viên năm 2024 như sau:										
STT	Họ và tên NV	Mã số thuế	Số tháng làm việc	Số người phụ thuộc	TN chịu thuế năm 2024	BH đã trừ vào lương năm 2024	Thuế TNCN đã trừ lương 2024	Thông tin nhân viên & HĐLĐ	điều kiện Ủy quyền quyết	Kê khai
1	Nguyễn Văn Bình	0313582130	12	2	360.000.000	12.600.000	8.860.000	Cá nhân cư trú, ký HĐLĐ > 03 tháng làm đủ 12 tháng/năm	Có	Kê khai vào 05-1/BK
2	Trần Thị Thiện	0104185267	12	1	300.000.000	5.250.000	8.000.000	Cá nhân cư trú, ký HĐLĐ > 03 tháng T1-T12.	Có	Kê khai vào 05-1/BK
3	Đặng Thị Lan	0106923914	10	1	200.000.000	4.200.000	990.000	Cá nhân cư trú, ký HĐLĐ > 03 tháng T1-T10	Có	Kê khai vào 05-1/BK
4	Lương Thu Nga	1701494648	7	0	70.000.000	3.307.500	0	Cá nhân cư trú, ký HĐLĐ > 03 tháng T6-T12. Đã làm việc nơi khác và có thu nhập nhiều nơi	Không	Kê khai vào 05-1/BK
5	Hoàng Anh Minh	3600955737	10	1	220.000.000	4.200.000	2.000.000	Cá nhân cư trú, ký HĐLĐ > 03 tháng T3-T12.	Có	Kê khai vào 05-1/BK
6	Lê Thị Mai	0313287689	2		70.000.000	0	7.000.000	Cá nhân cư trú, ký HĐ thử việc 02 tháng, từ T5-T6/2023 nhưng không qua thử việc => Đã nghỉ	Không	Kê khai vào 05-2/BK
7	Kang Min Sung	0107653280	3		210.000.000	0	37.000.000	Cá nhân không cư trú (Sang VN làm việc từ 01/03/2023-31/05/2023)	Không	Kê khai vào 05-2/BK

Hình 17: Bảng tổng hợp lương cả năm 2024 tại Công ty Hoàng Nam (trang 1)

Công ty TNHH Hoàng Nam có phát sinh tình hình chi trả lương cho nhân viên năm 2024 như sau:									
STT	Họ và tên NV	Mã số thuế	Thông tin nhân viên & HĐLĐ	điều kiện Ủy quyền quyết	Kê khai	Thông tin người phụ thuộc			
						Họ và tên	Từ tháng	Đến tháng	Số tháng được giảm trừ 2024
1	Nguyễn Văn Bình	0313582130	Cá nhân cư trú, ký HĐLĐ > 03 tháng làm đủ 12 tháng/năm	Có	Kê khai vào 05-1/BK	Nguyễn Thu Hà	08/2023		12
						Nguyễn Thu Hoa	03/2024		10
2	Trần Thị Thiện	0104185267	Cá nhân cư trú, ký HĐLĐ > 03 tháng T1-T12.	Có	Kê khai vào 05-1/BK	Lê Bảo Minh	01/2024		12
3	Đặng Thị Lan	0106923914	Cá nhân cư trú, ký HĐLĐ > 03 tháng T1-T10	Có	Kê khai vào 05-1/BK	Nguyễn Minh Quang	01/2024	10/2024	10
4	Lương Thu Nga	1701494648	Cá nhân cư trú, ký HĐLĐ > 03 tháng T6-T12. Đã làm việc nơi khác và có thu nhập nhiều nơi	Không	Kê khai vào 05-1/BK				
5	Hoàng Anh Minh	3600955737	Cá nhân cư trú, ký HĐLĐ > 03 tháng T3-T12.	Có	Kê khai vào 05-1/BK	Hoàng Anh Phúc	03/2024		10
6	Lê Thị Mai	0313287689	Cá nhân cư trú, ký HĐ thử việc 02 tháng, từ T5-T6/2023 nhưng không qua thử việc => Đã nghỉ	Không	Kê khai vào 05-2/BK				
7	Kang Min Sung	0107653280	Cá nhân không cư trú (Sang VN làm việc từ 01/03/2024-31/05/2024)	Không	Kê khai vào 05-2/BK				

Hình 18: Bảng tổng hợp lương cả năm 2024 tại Công ty Hoàng Nam (trang 2)

**Lưu ý:** Khi quyết toán thuế thu nhập cá nhân là quyết toán phần thu nhập mà doanh nghiệp đã thực tế chi trả trong năm cho người lao động chứ không phải là số tiền lương đã tính vào chi phí của năm 2024.

**Ví dụ 6.1:** Nếu doanh nghiệp tính lương và thanh toán tiền lương, thưởng, phụ cấp của từng tháng ngay trong tháng đó không phải đợi sang ngày 5, 10, hay 20... tháng sau thì số tiền quyết toán trên bảng lương 12 tháng dương lịch sẽ khớp với số tiền quyết toán thu nhập cá nhân của người lao động.

Nếu doanh nghiệp thanh toán lương của tháng này vào ngày 5, 10, hay 20... của tháng sau thì tiền lương tháng 12 năm của 2023 sẽ được thanh toán vào năm 2024, tương tự, tiền lương tháng 12 của năm 2024 sẽ được chi trả vào năm 2025, nên quyết toán lương của năm 2024 là phần thu nhập của tháng 12/2023 đến tháng 11/2024, do đó, không khớp với chi phí tiền lương khi tính thuế TNDN.

Bảng tổng hợp lương cả năm 2024 cho thấy các dữ liệu chi tiết về cá nhân người lao động, tổng lương, số tiền bảo hiểm người lao động đã đóng, số người phụ thuộc, điều kiện đáp ứng ủy quyền quyết toán hay không...

Căn cứ vào các dữ liệu đó, kế toán thực hiện kê khai vào các phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN; 05-2/BK-QTT-TNCN; 05-3/BK-QTT-TNCN và tổng hợp dữ liệu lên tờ khai quyết toán thuế TNCN mẫu 05/QTT-TNCN.

Cụ thể cách thức kê khai quyết toán thuế TNCN của ví dụ minh họa này được thực hiện như sau:

- Hướng dẫn kê khai vào Phụ lục số 05-1/BK-QTT-TNCN: Xem hình ảnh minh họa bên dưới.

PHỤ LỤC

BẢNG KÊ CHI TIẾT CẢ NHÂN THUỘC ĐIỆN TÍNH THUẾ THEO BIỂU LŨY TIỀN TỪNG PHẦN

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 05/QTT-TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023;  
[02] Lũy đầu: [X] [03] Bỏ sang lần thứ: [ ]

Mẫu số: 04-1/BK-QTT-TNCN  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2021/TT-BTC ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[04] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH  
[06] Mã số thuế: [ ]

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Loại giấy tờ	Số CMND/CCCD/SĐDCN Họ chữ (trong hợp chữ có MST)	Cá nhân uỷ quyền toàn quyền thay	CN nước ngoài ủy quyền quyết toán dưới 12 tháng	Thu nhập chịu thuế (TNCN)			Các khoản giảm trừ				Số thuế TNCN đã khấu trừ		Chi tiêu kết quả quyết toán thay cho cá nhân nộp thuế				Cá nhân có số thuế được miễn do có số thuế còn phải nộp từ 50.000 đồng trở xuống		
							Tổng thu nhập chịu thuế	Trong đó: thu nhập trước khi tính thuế (trong hợp có dấu vào chi tiêu [04] tại Tờ khai 05-QTT-TNCN)	Trong đó: thu nhập chịu thuế được miễn theo quy định của Hợp đồng đầu khi	Số lượng NPT tính giảm trừ	Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh	Tư nhân, nhân đạo, khuyến học	Bảo hiểm được trừ	Quy lưu từ tự nguyện được trừ	Thu nhập tính thuế (T1)-(T2)-(T3)-(T4)-(T5)-(T6)-(T7)	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	Trong đó: số thuế đã khấu trừ tại tổ chức trước khi đi (trong hợp có dấu vào chi tiêu [04] tại Tờ khai 05-QTT)	Tổng số thuế phải nộp	Số thuế đã nộp thừa		Số thuế còn phải nộp	
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]	[19]	[20]	[21]	[22]	[23]	[24]	[25]	[26]	[27]	
1	Nguyễn Văn Bình	0313582130			[x]	[ ]	360.000.000	0	0	0	2	228.800.000	0	12.600.000	0	118.600.000	8.860.000	0	8.860.000	0	0	[ ]
2	Trần Thị Thiên	0104185267			[x]	[ ]	300.000.000	0	0	0	1	184.800.000	0	5.250.000	0	109.950.000	8.000.000	0	7.995.000	5.000	0	[ ]
3	Đặng Thị Lan	0106923914			[x]	[ ]	200.000.000	0	0	0	1	176.000.000	0	4.200.000	0	19.800.000	990.000	0	990.000	0	0	[ ]
4	Lương Thị Nga	1701494618			[ ]	[ ]	70.000.000	0	0	0	0	152.000.000	0	3.307.500	0	0	0	0	0	0	0	[ ]
5	Hoàng Anh Minh	3600955737			[x]	[ ]	220.000.000	0	0	0	1	176.000.000	0	4.200.000	0	39.800.000	2.000.000	0	1.990.000	10.000	0	[ ]
<b>Tổng</b>							<b>1.160.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>5</b>	<b>897.600.000</b>	<b>0</b>	<b>29.857.500</b>	<b>0</b>	<b>288.160.000</b>	<b>19.860.000</b>	<b>0</b>	<b>19.865.000</b>	<b>15.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

(TNCN: Thu nhập chịu thuế; TNCN: thu nhập cá nhân; NPT: người phụ thuộc; SĐDCN: Số định danh cá nhân)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024

NGƯỜI NỘP THUẾ  
Họ và tên:  
Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc  
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ  
(Chữ ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có) và  
chức vụ)

Hình 19: Hướng dẫn kê khai phụ lục 05-1/BK-QTT-TNCN

- Hướng dẫn kê khai vào Phụ lục số 05-2/BK-QTT-TNCN:

## PHỤ LỤC

Mẫu số: 05-2/BK-QTT-TNCN  
(Ban hành kèm theo  
Thông tư số 80/2021/TT-  
BTC ngày 29 tháng 9 năm  
2021 của Bộ trưởng Bộ  
Tài chính)

## BẢNG KÊ CHI TIẾT CÁ NHÂN THUỘC DIỆN TÍNH THUẾ THEO THUẾ SUẤT TOÀN PHẦN

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 05/QTT-TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023:

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: [ ]

[04] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH

[05] Mã số thuế: 00 00 00 00 00 00

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Loại giấy tờ	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu	Cá nhân không cư trú	Thu nhập chịu thuế (TNCT)				Số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đã khấu trừ	
						Tổng số	Trong đó: TNCT từ phi mua BH nhân thọ, BH không bắt buộc khác của DN BH không thành lập tại Việt Nam cho người lao động	Trong đó thu nhập chịu thuế được miễn theo Hiệp định	Trong đó TN chịu thuế được miễn theo quy định của Hợp đồng đầu khi	Tổng số	Trong đó: Số thuế từ phi mua BH nhân thọ, BH không bắt buộc khác của DN BH không thành lập tại Việt Nam cho người lao động
[06]	[07]	[08]		[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
1	Lê Thị Mai	0313287689			[ ]	70.000.000	0	0	0	7.000.000	0
2	Kang Min Sung	0107653280			[x]	210.000.000	0	0	0	37.000.000	0
Tổng						280.000.000	0	0	0	44.000.000	0

(BH: Bảo hiểm; DN: doanh nghiệp; CMND: Chứng minh nhân dân; CCCD: Căn cước công dân)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai/...

Ngày 22 tháng 01 năm 2024

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc  
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ  
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký  
điện tử)

00 00 00 00 00 00

Hình 20: Hướng dẫn kê khai phụ lục 05-2/BK-QTT-TNCN

- Hướng dẫn kê khai vào Phụ lục số 05-3/BK-QTT-TNCN:

PHỤ LỤC

Mẫu số: 05-3/BK-QTT-TNCN  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ CHI TIẾT NGƯỜI PHỤ THUỘC GIẢM TRỪ GIA CẢNH

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 05/QTT-TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023:

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: [ ]

[04] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH

[05] Mã số thuế:

STT	Họ và tên người nộp thuế là người lao động tại tổ chức trả thu nhập	MST của người nộp thuế là người lao động tại tổ chức trả thu nhập	Họ và tên người phụ thuộc	Ngày sinh người phụ thuộc	MST của người phụ thuộc	Loại giấy tờ (Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/GKS) người phụ thuộc	Số giấy tờ	Quan hệ với người nộp thuế	Thời gian tính giảm trừ trong năm tính thuế	
									Từ tháng	Đến tháng
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
1	Nguyễn Văn Bình	0313582130	Nguyễn Thu Hà	03/08/2022	0301055059			Con	01/2023	12/2023
2	Nguyễn Văn Bình	0313582130	Nguyễn Thu Hoa	13/03/2023	0401829348			Con	03/2023	12/2023
3	Trần Thị Thiện	0104183267	Lê Bảo Minh	01/11/2019	3401164265			Con	01/2023	12/2023
4	Đặng Thị Lan	0106923914	Nguyễn Minh Quang	05/05/2018	0108634361			Con	01/2023	10/2023
5	Hoàng Anh Minh	3600955737	Hoàng Anh Phúc	24/03/2023	2400863438			Con	03/2023	12/2023

(MST: Mã số thuế; CMND: Chứng minh nhân dân; CCCD: Căn cước công dân; GKS: Giấy khai sinh)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 22 tháng 01 năm 2024

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ

THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc  
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ  
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký  
điện tử)



Hình 21: Hướng dẫn kê khai phụ lục 05-3/BK-QTT-TNCN

- Hướng dẫn kê khai tổng hợp vào tờ khai quyết toán thuế TNCN mẫu 05/QTT-TNCN, xem hình chi tiết dưới đây:



## II. NGHĨA VỤ QUYẾT TOÁN THAY CHO CÁ NHÂN

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số người/ Số tiền
1	Tổng số cá nhân ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thay	[35]	Người	4
1	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ	[36]	VNĐ	19.850.000
	Trong đó: Số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ tại tổ chức trước khi điều chuyển (trường hợp có đánh dấu vào chỉ tiêu [04])	[37]	VNĐ	0
3	Tổng số thuế thu nhập cá nhân phải nộp	[38]	VNĐ	19.835.000
4	Tổng số thuế thu nhập cá nhân được miễn do cá nhân có số thuế còn phải nộp sau ủy quyền quyết toán từ 50.000 đồng trở xuống	[39]	VNĐ	0
5	Tổng số thuế thu nhập cá nhân còn phải nộp	[40]	VNĐ	0
6	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã nộp thừa	[41]	VNĐ	15.000

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 22 tháng 01 năm 2024

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc  
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**  
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký  
điện tử)



Hình 23: Hướng dẫn kê khai tờ khai QTT TNCN mẫu 05/QTT-TNCN (trang 2)

>> Mời các bạn tải về [file Excel](#) và [tờ khai](#) ví dụ minh họa hướng dẫn kê khai chi tiết các phụ lục cũng như tờ khai quyết toán thuế TNCN của Công ty Hoàng Nam.

Để đảm bảo tính chính xác, nhanh chóng trong việc hạch toán thuế TNCN thì việc sử dụng phần mềm kế toán được coi là lựa chọn tối ưu cho các doanh nghiệp hiện nay. Các phần mềm như [phần mềm kế toán online MISA AMIS](#) với những tính năng ưu việt, giúp kế toán doanh nghiệp tiết kiệm thời gian và công sức một cách hiệu quả.

Phần mềm tự động lấy số liệu từ bảng lương, hồ sơ nhân viên lên tờ khai khấu trừ thuế, tờ khai quyết toán thuế TNCN ngay trên phần mềm, giúp kế toán không mất công tổng hợp thủ công ở ngoài excel.

Bên cạnh đó, phần mềm kế toán online MISA AMIS còn mang đến giải pháp hỗ trợ quản lý tài chính – kế toán tự động, nhanh chóng và chính xác hơn, cụ thể:

- o Đáp ứng đầy đủ nghiệp vụ kế toán theo Thông tư 133/2016/TT-BTC và Thông tư 200/2014/TT-BTC
- o Phù hợp với mọi loại hình doanh nghiệp: thương mại, dịch vụ, xây lắp, sản xuất
- o Tự động lập các báo cáo quản trị: CEO/Chủ DN có thể theo dõi nhanh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, công nợ, tồn kho... ngay trên điện thoại để kịp thời ra quyết định kinh doanh

- o Làm việc mọi lúc, mọi nơi qua Internet: Giám đốc, kế toán có thể truy cập làm việc từ mọi thiết bị thông minh không bị gián đoạn công việc, kịp thời ra quyết định điều hành

# LỜI KẾT

Với mong muốn trở thành người bạn đồng hành cùng doanh nghiệp, MISA AMIS hy vọng cuốn Ebook **Cẩm nang hướng dẫn quyết toán thuế TNCN 2024** sẽ giúp ích cho các anh chị, các bạn trong công tác chuẩn bị hồ sơ quyết toán thuế 2024 và hoàn thành các thủ tục, nghĩa vụ về thuế đúng quy định.

Chúc Quý doanh nghiệp, các anh chị và các bạn thành công!

Viện Đổi mới doanh nghiệp MIBI, Công ty cổ phần MISA